

ThS. TẠ THỊ THÚY ANH

555 câu hỏi TRẮC NGHIỆM Lịch sử

9



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Th.S TẠ THỊ THÚY ANH

555 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM
LỊCH SỬ 9

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh lớp 9 thân mến!

Tiếp theo cuốn **"555 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM LỊCH SỬ 8"**, chúng tôi biên soạn cuốn **"555 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM LỊCH SỬ 9"**.

Những câu hỏi trắc nghiệm trong cuốn sách này vừa phát huy được tính tích cực của học sinh trong việc học môn Lịch sử, vừa đảm bảo tính vừa sức đối với học sinh lớp 9 theo chương trình và SGK Lịch sử lớp 9 được áp dụng từ năm học 2005-2006.

Sách được chia làm hai phần:

- *Phần I: Câu hỏi trắc nghiệm.*
- *Phần II: Hướng dẫn trả lời câu hỏi trắc nghiệm.*

Sách được viết theo từng bài, từng chương.

Chúng tôi hy vọng rằng, trả lời được những câu hỏi trắc nghiệm trong cuốn sách này sẽ giúp các em nắm vững kiến thức cơ bản của chương trình Lịch sử lớp 9.

Tuy chúng tôi đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, song trong quá trình biên soạn chắc sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự đóng góp của bạn đọc.

Xin chân thành cảm ơn!

TÁC GIẢ

PHẦN MỘT

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

CHƯƠNG I

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU

SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

Bài 1

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU

TỪ 1945 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 70 CỦA THẾ KỈ XX

Câu 1. *Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, tổn thất nào của Liên Xô là nặng nề nhất do hậu quả của chiến tranh để lại?*

- A. Hơn 32.000 xí nghiệp bị tàn phá. B. Hơn 70.000 làng mạc bị tiêu hủy.
C. Hơn 1710 thành phố bị đổ nát. D. Hơn 27 triệu người chết.

Câu 2. *Để xây dựng lại đất nước, Liên Xô dựa vào thuận lợi chủ yếu nào?*

- A. Những thành tựu từ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trước chiến tranh.
B. Sự ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới.
C. Tính ưu việt của CNXH và nhiệt tình của nhân dân sau ngày chiến thắng.
D. Lãnh thổ lớn và tài nguyên phong phú.

Câu 3. *Sau Chiến tranh thế giới thứ hai Liên Xô đã đạt được thành tựu quan trọng nhất là:*

- A. Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.
B. Năm 1957, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của trái đất.
C. Năm 1961, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công tàu vũ trụ có người lái.
D. Đến thập kỉ 60 (thế kỉ XX), Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới (sau Mĩ).

Câu 4. *Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử vào năm nào?*

- A. Năm 1945. B. Năm 1947. C. Năm 1949. D. Năm 1951.

Câu 5. *Mục đích của việc Liên Xô quyết định sử dụng năng lượng nguyên tử là:*

- A. Mở rộng lãnh thổ.
B. Duy trì nền hòa bình thế giới.
C. Ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.
D. Khống chế các nước khác.

Câu 6. Số liệu nào sau đây có ý nghĩa nhất đối với quá trình xây dựng CNXH ở Liên Xô (từ 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX)?

- A. Nếu năm 1950, Liên Xô sản xuất được 27,3 triệu tấn thép thì đến năm 1970 sản xuất được 115,9 triệu tấn.
- B. Năm 1950, tổng sản lượng công nghiệp của Liên Xô tăng 73% so với trước chiến tranh.
- C. Từ năm 1951 đến 1975, mức tăng trưởng của Liên Xô hàng năm đạt 9,6%.
- D. Từ giữa thập niên 70, sản xuất công nghiệp của Liên Xô đạt khoảng 20% sản lượng công nghiệp của toàn thế giới.

Câu 7. Nhà máy điện nguyên tử đầu tiên trên thế giới được xây dựng tại đâu?

- A. Mĩ
- B. Đức.
- C. Liên Xô.
- D. Trung Quốc.

Câu 8. Sau Chiến tranh thế giới hai, chiến lược phát triển kinh tế của Liên Xô chú trọng vào:

- A. Phát triển nền công nghiệp nhẹ.
- B. Phát triển nền công nghiệp truyền thống.
- C. Phát triển kinh tế công-nông- thương nghiệp.
- D. Phát triển nền công nghiệp nặng.

Câu 9. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái đất vào năm nào?

- A. Năm 1955.
- B. Năm 1957.
- C. Năm 1960.
- D. Năm 1961.

Câu 10. Liên Xô phóng con tàu đưa người đầu tiên bay vào vũ trụ năm nào?

- A. Năm 1959.
- B. Năm 1957.
- C. Năm 1960.
- D. Năm 1961.

Câu 11. Ga-ga-rin – nhà du hành vũ trụ Liên Xô là:

- A. Người đầu tiên bay lên Sao Hỏa.
- B. Người đầu tiên thử thành công vệ tinh nhân tạo.
- C. Người đầu tiên bay vào vũ trụ.
- D. Người đầu tiên đặt chân lên Mặt Trăng.

Câu 12. Đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô đã đạt được thành tựu cơ bản gì?

- A. Thế cân bằng về sức mạnh kinh tế.
- B. Thế cân bằng chiến lược về sức mạnh quân sự nói chung và sức nạnh về hạt nhân nói riêng.
- C. Thế cân bằng về sức mạnh quốc phòng.
- D. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 13. Cuộc khôi phục và phát triển kinh tế nông nghiệp của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai được tiến hành trên cơ sở nào?

- A. Sự quan tâm đến lợi ích vật chất đối với người dân.
- B. Những thành tựu của công nghiệp.

C. Các biện pháp hành chính.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 14. Sắp xếp các sự kiện ở cột B cho phù hợp với cột A theo yêu cầu sau đây:

A	B
1. Liên Xô bước ra khỏi Chiến tranh thế giới thứ hai.	A. Hơn 27 triệu người chết
	B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái đất.
2. Thành tựu Liên Xô đạt được trên lĩnh vực khoa học kỹ thuật	C. Đứng đầu thế giới về sản xuất công nghiệp.
	D. Bị các nước đế quốc yêu cầu chia lại lãnh thổ.
	E. Đưa nhà du hành vũ trụ Ga-ga-rin bay vòng quanh Trái đất.
	G. Giàu có nhờ thu lợi nhuận sau chiến tranh.

Câu 15. Khái niệm các nước Đông Âu là để chỉ:

A. Vị trí địa lý phía Đông Châu Âu.

B. Các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.

C. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa nói chung.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu 16. Trong tiến trình Chiến tranh thế giới thứ hai, Hồng quân Liên Xô tiến vào các nước Đông Âu nhằm mục đích:

A. Xâm lược các nước này.

B. Tạo điều kiện cho nhân dân các nước này nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền, thành lập chế độ tư bản.

C. Tạo điều kiện cho nhân dân các nước này nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền, thành lập chế độ dân chủ nhân dân.

D. B và C đều đúng.

Câu 17. Từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70 thế kỉ XX Liên Xô thực hiện chính sách đối ngoại:

A. Muốn làm bạn với tất cả các nước.

B. Chỉ quan hệ với các nước lớn.

C. Hòa bình và tích cực ủng hộ cách mạng thế giới.

D. Chỉ quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 18. Các nước Đông Âu hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân vào khoảng thời gian nào?

A. Từ năm 1945 đến năm 1946.

B. Từ năm 1946 đến năm 1947.

C. Từ năm 1947 đến năm 1948.

D. Từ năm 1945 đến năm 1949.

Câu 19. Nhiệm vụ của cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu là gì?

A. Xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, ban hành các quyền tự do dân chủ.

B. Tiến hành cải cách ruộng đất.

- C. Quốc hữu hóa những xí nghiệp lớn của tư bản.
- D. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 20. Nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu?

- A. Do sự thỏa thuận của các nước đồng minh chống phát xít.
- B. Do nghị quyết của hội nghị I-an-ta (2/1945).
- C. Do thành quả đấu tranh của các lực lượng yêu nước chống phát xít ở Đông Âu và do Hồng quân Liên Xô truy kích thắng lợi quân phát xít Đức.
- D. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 21. Để xóa bỏ sự bóc lột của địa chủ phong kiến đối với nông dân, cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu phải thực hiện nhiệm vụ gì?

- A. Triệt phá âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của bọn phản động.
- B. Cải cách ruộng đất.
- C. Quốc hữu hóa xí nghiệp của tư bản.
- D. Thực hiện các quyền tự do dân chủ cho nhân dân.

Câu 22. Nội dung nào sau đây là chủ yếu nhất để chứng minh sự thắng lợi của cách mạng dân chủ nhân dân các nước Đông Âu có ý nghĩa quốc tế?

- A. Cải thiện một bước đời sống nhân dân.
- B. Thực hiện một số quyền tự do dân chủ cho nhân dân.
- C. Tạo điều kiện để Đông Âu bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- D. Tăng cường sức mạnh bảo vệ hòa bình thế giới và góp phần hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa từ năm 1949.

Câu 23. Sau khi hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân, các nước Đông Âu tiếp tục làm nhiệm vụ gì?

- A. Tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa.
- B. Tiến lên chế độ tư bản chủ nghĩa.
- C. Một số nước tiến lên xã hội chủ nghĩa, một số nước tiến lên tư bản chủ nghĩa.
- D. Một số nước thực hiện chế độ trung lập.

Câu 24. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới được hình thành vào khoảng thời gian nào?

- A. Vào năm 1917.
- B. Vào năm 1945.
- C. Vào năm 1949.
- D. Vào năm 1950.

Câu 25. Các nước Đông Âu tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội khi những nước đó là:

- A. Những nước tư bản phát triển.
- B. Những nước tư bản kém phát triển.
- C. Những nước phong kiến.
- D. A và B đúng.

Câu 26. Trong những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nước nào ở Đông Âu được mệnh danh là "Đất nước của triệu người khát thực"?

- A. Cộng hòa Dân chủ Đức
- B. Tiệp Khắc
- C. Ru-ma-ni
- D. Hung-ga-ri

Câu 27. Trong những khó khăn dưới đây, khó khăn nào là lâu dài đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu?

- A. Tàn dư lạc hậu của chế độ cũ.
- B. Hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai.
- C. Cơ sở vật chất kĩ thuật lạc hậu so với các nước Tây Âu.
- D. Sự bao vây của các nước đế quốc và sự phá hoại của các lực lượng phản động quốc tế.

Câu 28. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, chỗ dựa chủ yếu của các nước Đông Âu là gì?

- A. Thành quả của cách mạng dân chủ nhân dân (1946 -1949) và nhiệt tình của nhân dân.
- B. Sự hoạt động và hợp tác của Hội đồng Tương trợ Kinh tế (SEV).
- C. Sự giúp đỡ của Liên Xô.
- D. Sự hợp tác giữa các nước Đông Âu.

Câu 29. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, các nước Đông Âu đã ưu tiên phát triển ngành kinh tế nào?

- A. Phát triển công nghiệp nhẹ.
- B. Phát triển công nghiệp nặng.
- C. Phát triển kinh tế đối ngoại.
- D. Phát triển kinh tế thương nghiệp.

Câu 30. Hội đồng Tương trợ kinh tế thành lập với mục đích:

- A. Cần có sự hợp tác nhiều bên.
- B. Sự phân công và chuyên môn hóa trong sản xuất giữa các nước XHCN nhằm nâng cao năng suất lao động và xóa bỏ tình trạng chênh lệch về trình độ.
- C. Tăng thêm sức mạnh trong việc đối phó với chính sách bao vây kinh tế của các nước phương Tây.
- D. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 31. Tổ chức Hiệp ước Phòng thủ Vác-sa-va thành lập năm nào?

- A. Năm 1955.
- B. Năm 1956.
- C. Năm 1957.
- D. Năm 1958.

Câu 32. Nước nào ở Đông Âu, đến thập niên 70 của thế kỉ XX được xếp vào hàng các nước công nghiệp trên thế giới?

- A. An-ba-ni.
- B. Bun-ga-ri.
- C. Tiệp Khắc.
- D. Ru-ma-ni.

Câu 33. Sự ra đời của liên minh phòng thủ Vác-sa-va (14/5/1955) là do nguyên nhân chính sau đây:

- A. Để tăng cường tình đoàn kết giữa Liên Xô và các nước Đông Âu.
- B. Để tăng cường sức mạnh của các nước XHCN.
- C. Để đối phó với việc vũ trang lại Tây Đức của các nước thành viên khối NATO.
- D. Để đảm bảo hòa bình và an ninh ở châu Âu.

Câu 34. Tổ chức Hiệp ước Phòng thủ Vác- sa-va mang tính chất:

- A. Một tổ chức kinh tế của các nước XHCN ở châu Âu.
- B. Một tổ chức liên minh phòng thủ về quân sự của các nước XHCN ở châu Âu.

- C. Một tổ chức liên minh chính trị của các nước XHCN ở châu Âu.
- D. Một tổ chức liên minh phòng thủ về chính trị và quân sự của các nước XHCN ở châu Âu.

Câu 35. Hạn chế trong hoạt động của khối SEV là gì?

- A. Thực hiện quan hệ hợp tác, quan hệ với các nước tư bản chủ nghĩa
- B. Phối hợp giữa các nước thành viên kéo dài sự phát triển kinh tế.
- C. Ít giúp nhau ứng dụng kinh tế khoa học trong sản xuất.
- D. "Khép kín cửa" không hòa nhập với nền kinh tế thế giới.

Bài 2

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ GIỮA NHỮNG NĂM 70 ĐẾN ĐẦU NHỮNG NĂM 90 CỦA THẾ KỈ XX

Câu 1. Tình hình kinh tế của Liên Xô bước sang những năm 80 của thế kỉ XX

- A. Phát triển tương đối ổn định.
- B. Sản xuất công nghiệp trì trệ, lương thực, thực phẩm khan hiếm.
- C. Mức sống của nhân dân Liên Xô giảm sút so với nhân dân các nước phương Tây.
- D. B, c đúng.

Câu 2. Liên Xô phải tiến hành công cuộc cải tổ đất nước trong những năm 80 của thế kỉ XX, vì:

- A. Đất nước lâm vào tình trạng "trì trệ" khủng hoảng.
- B. Đất nước đã phát triển nhưng chưa bằng Tây Âu và Mỹ.
- C. Phải cải tổ để sớm áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật đang phát triển của thế giới.
- D. Tất cả các lý do trên.

Câu 3. Công cuộc cải tổ của M. Gorbacốp bắt đầu từ năm nào?

- A. Năm 1985.
- B. Năm 1986.
- C. Năm 1987.
- D. Năm 1988.

Câu 4. Thời gian tiến hành công cuộc "cải tổ" của Liên Xô kéo dài trong bao nhiêu năm?

- A. 4 năm (1985-1989)
- B. 5 năm (1985-1990)
- C. 6 năm (1985-1991)
- D. 7 năm (1985-1992)

Câu 5. Nội dung cơ bản của công cuộc "cải tổ" của Liên Xô là gì?

- A. Cải tổ kinh tế triệt để, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng về kim tế.
- B. Cải tổ hệ thống chính trị.
- C. Cải tổ xã hội.
- D. Cải tổ kinh tế và xã hội.

Câu 6. Liên Xô đã làm gì trước ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng chung trên toàn thế giới trong những năm 70 của thế kỉ XX?

- A. Tiến hành cải cách kinh tế, chính trị, xã hội cho phù hợp.
- B. Kịp thời thay đổi để thích ứng với tình hình thế giới.
- C. Không tiến hành những cải cách cần thiết về kinh tế và xã hội.
- D. Có sửa đổi nhưng chưa triệt để.

Câu 7. Ở Liên Xô chế độ Tổng thống được thực hiện từ năm nào?

- A. Năm 1985
- B. Năm 1988
- C. Năm 1990
- D. Năm 1991

Câu 8. Liên bang Cộng hòa XHCN Xô viết tồn tại trong khoảng thời gian nào?

- A. Từ năm 1917 đến năm 1991
- B. Từ năm 1918 đến năm 1991
- C. Từ năm 1920 đến năm 1991
- D. Từ năm 1922 đến năm 1991

Câu 9. Liên bang Cộng hòa XHCN Xô viết tồn tại được bao nhiêu năm?

- A. 71 năm
- B. 72 năm
- C. 73 năm
- D. 74 năm

Câu 10. Trở ngại chủ quan ảnh hưởng đến thắng lợi của XHCN ở Đông Âu đó là:

- A. Sự phá hoại của các thế lực phản động.
- B. Rập khuôn, giáo điều theo mô hình xây dựng XHCN ở Liên Xô.
- C. Chưa đảm bảo đầy đủ sự công bằng xã hội và quyền dân chủ của nhân dân.
- D. Sự trì trệ, thiếu năng động trước những biến động của tình hình thế giới.

Câu 11. Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ do nguyên nhân cơ bản nào sau đây?

- A. Các thế lực chống CNXH trong và ngoài nước chống phá.
- B. Chậm sửa chữa những sai lầm.
- C. Nhà nước nhân dân Xô viết, nhận thấy CNXH không tiến bộ nên muốn thay đổi chế độ.
- D. Xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội không phù hợp.

Câu 12. Nguyên nhân có tính chất giáo điều đưa đến sự sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu là:

- A. Xây dựng một mô hình về CNXH không phù hợp với sự biến đổi của thế giới và thực tế khách quan.
- B. Sự tha hóa về phẩm chất chính trị và đạo đức của nhiều người lãnh đạo.
- C. Rời bỏ những nguyên lý đúng đắn của chủ nghĩa Mác-Lênin.
- D. Sự chống phá của các thế lực thù địch với CNXH.

Câu 13. Nước nào chủ trương xóa bỏ thể chế chính trị xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở Đông Âu?

- A. Ba Lan
- B. Hung-ga-ri
- C. Tiệp Khắc
- D. Cộng hòa Dân chủ Đức

Câu 14. Quốc hội Cộng hòa Dân chủ Đức quyết định gia nhập Cộng hòa Liên bang Đức vào năm nào?

- A. Năm 1989. B. Năm 1990.
C. Năm 1991. D. Năm 1992.

Câu 15. Sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu là:

- A. Sự sụp đổ của chế độ XHCN.
B. Sự sụp đổ của mô hình XHCN chưa khoa học.
C. Sự sụp đổ của một đường lối sai lầm.
D. Sự sụp đổ của tư tưởng chủ quan, nóng vội.

Câu 16. Công cuộc xây dựng XHCN của các nước Đông Âu đã mắc phải một số thiếu sót và sai lầm nào?

- A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.
B. Tập thể hóa nông nghiệp.
C. Thực hiện chế độ bao cấp về kinh tế.
D. Rập khuôn, cứng nhắc mô hình xây dựng XHCN ở Liên Xô trong chi hoàn cảnh và điều kiện đất nước mình khác biệt.

Câu 17. Hội đồng Tương trợ Kinh tế (SEV) giải thể vào năm nào?

- A. Năm 1989. B. Năm 1990.
C. Năm 1991. D. Năm 1992.

Câu 18. Tổ chức Hiệp ước Phòng thủ Vac-sa-va giải thể năm nào?

- A. Năm 1989. B. Năm 1990.
C. Năm 1991. D. Năm 1992.

Câu 19. Nguyên nhân dẫn đến sự giải thể của Hội đồng Tương trợ Kinh tế (SEV) đó là:

- A. Do "khép kín" cửa trong hoạt động.
B. Do không đủ sức cạnh tranh với Mĩ và Tây Âu.
C. Do sự lạc hậu về phương thức sản xuất.
D. Do sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.

Câu 20. Hãy nối các niên đại ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B.

A	B
1. 1949	A. Hội đồng Tương trợ Kinh tế giải thể.
2. 1957	B. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô bắt đầu.
3. 1991	C. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
4. 1985	D. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.
5. 1955	E. Thành lập tổ chức Hiệp ước Phòng thủ Vac-sa-va

CHƯƠNG II

CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LA-TINH TỪ 1945 ĐẾN NAY

Bài 3

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ SỰ TAN RÃ CỦA HỆ THỐNG THUỘC ĐỊA

Câu 1. *Hệ thống thuộc địa trên thế giới tan rã vào khoảng thời gian nào?*

- A. Từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX.
- B. Từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX.
- C. Từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX.
- D. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 2. *Khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, phong trào giải phóng dân tộc đã nổ ra mạnh mẽ nhất ở các nước:*

- A. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.
- B. Việt Nam, Mi-an-ma, Lào.
- C. In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan.
- D. Phi-lip-pin, Việt Nam, Ma-lai-xi-a.

Câu 3. *Hãy nối các niên đại ở cột A phù hợp với sự kiện ở cột B.*

A	B
1. 17/8/1945	A. Lào tuyên bố độc lập
2. 2/9/1945	B. In-đô-nê-xi-a tuyên bố độc lập
3. 12/10/1945	C. Việt Nam tuyên bố độc lập
4. 1950	D. Ai Cập tuyên bố độc lập
5. 1962	Đ. Ấn Độ tuyên bố độc lập
6. 1952	E. An-giê-ri tuyên bố độc lập
7. 1/1/1959	G. Irắc tuyên bố độc lập
8. 1958	H. Cu Ba tuyên bố độc lập.

Câu 4. *"Năm châu Phi" (1960) là tên gọi cho sự kiện nào sau đây?*

- A. Có nhiều nước ở châu Phi được trao trả độc lập.
- B. Châu Phi là châu có phong trào giải phóng dân tộc phát triển sớm nhất, mạnh nhất.
- C. Có 17 nước ở châu Phi tuyên bố độc lập.
- D. Châu Phi là "Lục địa mới trời dậy".

Câu 5. Phong trào đấu tranh giành độc lập của Ăng-gô-la, Mô-dăm-bich Ghi-nê Bít-xao nhằm đánh đổ ách thống trị của:

- A. Phát xít Nhật
- B. Phát xít I-ta-li-a
- C. Thực dân Tây Ban Nha
- D. Thực dân Bồ Đào Nha

Câu 6. Từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX, chủ nghĩa thực dân chỉ còn tồn tại dưới hình thức nào?

- A. Chủ nghĩa thực dân kiểu cũ.
- B. Chủ nghĩa thực dân kiểu mới.
- C. Chế độ phân biệt chủng tộc.
- D. Chế độ thực dân.

Câu 7. Năm 1945, ba nước nào sau đây lần lượt tuyên bố độc lập?

- A. Việt Nam, Mi-an-ma, Lào.
- B. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.
- C. In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan.
- D. Phi-lip-pin, Việt Nam, Ma-lai-xi-a.

Câu 8. Năm 1960 có bao nhiêu nước ở châu Phi giành được độc lập?

- A. 15 nước giành được độc lập
- B. 16 nước giành được độc lập
- C. 17 nước giành được độc lập
- D. 18 nước giành được độc lập.

Câu 9. Cuộc Cách mạng nhân dân ở Cu Ba dưới sự lãnh đạo của Phi-líp Ca-xtơ-rô đã giành thắng lợi vào thời gian nào?

- A. Ngày 1 tháng 1 năm 1959.
- B. Ngày 1 tháng 2 năm 1959.
- C. Ngày 1 tháng 3 năm 1959.
- D. Ngày 1 tháng 4 năm 1959.

Câu 10. Chính quyền mới ở Bồ Đào Nha tuyên bố trao trả độc lập cho Ghi-nê Bít-xao vào thời gian nào?

- A. Tháng 7 năm 1974.
- B. Tháng 8 năm 1974.
- C. Tháng 9 năm 1974.
- D. Tháng 10 năm 1974.

Câu 11. Chính quyền mới ở Bồ Đào Nha tuyên bố trao trả độc lập cho Mô-dăm-bich vào thời gian nào?

- A. Tháng 6 năm 1975.
- B. Tháng 7 năm 1975.
- C. Tháng 8 năm 1975.
- D. Tháng 9 năm 1975.

Câu 12. Chính quyền mới ở Bồ Đào Nha tuyên bố trao trả độc lập cho Ăng-gô-la vào thời gian nào?

- A. Tháng 8 năm 1975.
- B. Tháng 9 năm 1975.
- C. Tháng 10 năm 1975.
- D. Tháng 11 năm 1975.

Câu 13. Từ cuối những năm 70 thế kỉ XX chế độ phân biệt chủng tộc (A-pa-thai) tồn tại tập trung ở ba nước nào sau đây?

- A. Rô-đê-đi-a, Tây Nam Phi và Cộng hòa Nam Phi.
- B. Rô-đê-đi-a, Ăng-gô-la và Cộng hòa Nam Phi.

C. Rô-đê-đi-a, Ghi-nê Bit-xao và Cộng hòa Nam Phi.

D. Rô-đê-đi-a, Mô-dâm-bích và Cộng hòa Nam Phi.

Câu 14. Chế độ phân biệt chủng tộc ở Cộng hòa Nam Phi đã bị xóa bỏ sau hơn ba thế kỉ tồn tại vào năm nào?

A. Năm 1992.

B. Năm 1993.

C. Năm 1994.

D. Năm 1994.

Câu 15. Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc đã bị sụp đổ hoàn toàn. Lịch sử các dân tộc Á, Phi và Mĩ La -tinh đã sang chương mới với nhiệm vụ to lớn, đó là:

A. Cùng cố nền độc lập.

B. Xây dựng và phát triển đất nước.

C. Khắc phục tình trạng nghèo nàn lạc hậu.

D. Cả ba câu trên đúng.

Bài 4

CÁC NƯỚC CHÂU Á

Câu 1. Các nước châu Á trước Chiến tranh thế giới thứ hai là thuộc địa của những nước nào?

A. Anh, Pháp, Mĩ, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.

B. I-ta-li-a, Nhật, Mĩ, Anh, Pháp.

C. Anh, Pháp, Mĩ, Nhật, Hà Lan.

D. Anh, Pháp, Mĩ, Nhật, Tây Ban Nha.

Câu 2. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, biến đổi lớn nhất của các nước châu Á đó là:

A. Các nước châu Á đã giành độc lập.

B. Các nước châu Á đã gia nhập ASEAN.

C. Các nước châu Á đã trở thành trung tâm kinh tế tài chính thế giới.

D. Tất cả các câu trên.

Câu 3. Vì sao bước sang thế kỷ XX, châu Á được mệnh danh là "Châu Á thức tỉnh"?

A. Vì phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ.

B. Vì nhân dân thoát khỏi sự thống trị của vua chúa phong kiến.

C. Vì tất cả các nước châu Á giành được độc lập.

D. Vì ở châu Á có nhiều nước giữ vị trí quan trọng trên trường quốc tế.

Câu 4. Tập đoàn Tưởng Giới Thạch âm mưu phát động cuộc nội chiến với Đảng Cộng sản Trung Quốc kéo dài 3 năm (1946-1949) nhằm mục đích gì?

A. Tiêu diệt Đảng Cộng sản Trung Quốc.

B. Hạn chế ảnh hưởng của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

C. Xóa bỏ ảnh hưởng của Liên Xô ở Trung Quốc.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu 5. Ai là người chủ mưu gây nội chiến ở Trung Quốc năm 1946?

A. Mao Trạch Đông

B. Chu Đức

C. Tưởng Giới Thạch

D. Chu Ân Lai

Câu 6. Cuộc nội chiến (1946-1949) ở Trung Quốc nổ ra là do:

- A. Đảng Cộng sản phát động.
- B. Tập đoàn phản động Tưởng Giới Thạch phát động, có sự giúp đỡ của đế quốc Mỹ.
- C. Đế quốc Mỹ giúp đỡ Quốc Dân đảng.
- D. Quốc Dân đảng cấu kết với bọn phản động quốc tế.

Câu 7. Sau khi bị lực lượng cách mạng đánh bại, Tưởng Giới Thạch đã chạy đi đâu?

- A. Mĩ
- B. Đài Loan
- C. Hồng Kông
- D. Nam Hải

Câu 8. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời ngày tháng năm nào?

- A. Ngày 30 tháng 10 năm 1949.
- B. Ngày 23 tháng 4 năm 1949.
- C. Ngày 1 tháng 10 năm 1949.
- D. Ngày 1 tháng 11 năm 1949.

Câu 9. Tính chất của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc là gì?

- A. Một cuộc cách mạng tư sản do giai cấp vô sản lãnh đạo.
- B. Một cuộc cách mạng vô sản do giai cấp vô sản lãnh đạo.
- C. Một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.
- D. Một cuộc nội chiến.

Câu 10. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời (1949) đánh dấu việc Trung Quốc đã:

- A. Hoàn thành cuộc cách mạng đánh đổ tập đoàn phản động Tưởng Giới Thạch.
- B. Hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- C. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- D. Chuẩn bị hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Câu 11. Sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có ý nghĩa gì về mặt quốc tế?

- A. Kết thúc hơn 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc đối với nhân dân Trung Hoa.
- B. Báo hiệu sự kết thúc ách thống trị, nô dịch của chế độ phong kiến tàn trên đất Trung Hoa.
- C. Tăng cường lực lượng của chủ nghĩa xã hội thế giới và tăng cường sức mạnh của phong trào giải phóng dân tộc.
- D. Đất nước Trung Hoa bước vào kỷ nguyên độc lập tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 12. Ý nghĩa lịch sử của sự ra đời nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (1949).

- A. Kết thúc hơn 100 năm ách nô dịch của địa chủ và phong kiến.
- B. Đưa đất nước Trung Hoa bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do.
- C. Hệ thống xã hội chủ nghĩa được nối liền từ châu Âu sang châu Á.
- D. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 13. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời ngày 1 tháng 10 năm 1949 do ai đứng đầu?

- A. Chu Ân Lai.
- B. Mao Trạch Đông.
- C. Lưu Thiểu Kỳ.
- D. Lâm Bưu.

Câu 14. Trung Quốc bước vào thời kì xây dựng CNXH trên cơ sở tình hình đất nước như thế nào?

- A. Quan hệ sản xuất TBCN tương đối phát triển.
- B. Quan hệ sản xuất TBCN kém phát triển.
- C. Có một nền nông nghiệp phát triển.
- D. Có một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu.

Câu 15. Công cuộc khôi phục kinh tế vào năm 1950 của Trung Quốc với nhiệm vụ gì?

- A. Tiến hành cải cách ruộng đất và hợp tác hóa nông nghiệp.
- B. Cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, xây dựng nền công nghiệp.
- C. Phát triển văn hóa, giáo dục.
- D. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 16. Trung Quốc tiến hành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất trong khoảng thời gian nào?

- A. Từ năm 1949 đến năm 1953.
- B. Từ năm 1953 đến năm 1957.
- C. Từ năm 1957 đến năm 1961.
- D. Từ năm 1961 đến năm 1965.

Câu 17. Yếu tố nào thúc đẩy nhân dân Trung Quốc hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất?

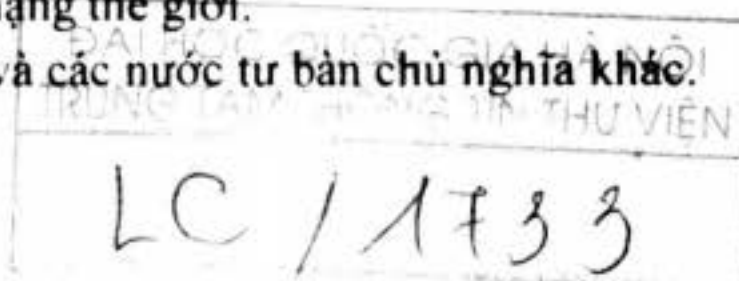
- A. Sự nỗ lực của nhân dân Trung Quốc.
- B. Sự giúp đỡ của các nước chủ nghĩa xã hội.
- C. Sự giúp đỡ của Liên Xô.
- D. Sự lao động quên mình của nhân dân Trung Quốc và sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô.

Câu 18. Thành tựu Trung Quốc đã đạt được trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đó là:

- A. 246 công trình được xây dựng và đưa vào sản xuất.
- B. Sản lượng công nghiệp tăng 140%.
- C. Sản lượng nông nghiệp tăng 25%.
- D. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 19. Từ năm 1949 đến năm 1959 Trung Quốc đã thi hành chính sách đối ngoại như thế nào?

- A. Chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. Chống Mĩ và các nước tư bản chủ nghĩa.
- C. Thi hành một chính sách đối ngoại tích cực nhằm củng cố hòa bình và thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới.
- D. Quan hệ thân thiện với Mĩ và các nước tư bản chủ nghĩa khác.



Câu 20. Từ năm 1959, chủ trương nào của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã gây nên tình trạng đầy biến động, nền kinh tế trở nên hỗn loạn, đời sống nhân dân điêu đứng?

- A. Đề ra đường lối "Ba ngọn cờ hồng". Phong trào "Đại nhảy vọt".
- B. Xây dựng "Công xã nhân dân".
- C. Thực hiện cuộc "Đại cách mạng văn hóa vô sản".
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 21. Thực chất của cuộc "Đại cách mạng văn hóa vô sản" (1966 - 1968) là gì?

- A. Để sửa chữa sai lầm.
- B. Để xây dựng tư tưởng XHCN.
- C. Để tranh chấp quyền lực.
- D. Để xây dựng và củng cố bộ máy nhà nước

Câu 22. Phong trào "Đại nhảy vọt" phát động toàn dân làm gang, thép với mục tiêu:

- A. Nhanh chóng đưa sản lượng thép lên 10 triệu tấn, gang là 20 triệu tấn.
- B. Nhanh chóng đưa sản lượng thép lên 15 triệu tấn, gang là 20 triệu tấn.
- C. Nhanh chóng đưa sản lượng thép lên 10 triệu tấn, gang là 25 triệu tấn.
- D. Nhanh chóng đưa sản lượng thép lên 12 triệu tấn, gang là 20 triệu tấn.

Câu 23. Đường lối "Ba ngọn cờ hồng", phát triển kinh tế theo phương châm:

- A. Nhanh, nhiều, tốt, rẻ.
- B. Nhiều, tốt, rẻ.
- C. Nhanh, tốt, rẻ.
- D. Nhanh, nhiều, tốt.

Câu 24. Thực hiện đường lối "Ba ngọn cờ hồng" Trung Quốc đạt được những gì?

- A. Nền kinh tế Trung Quốc có một bước phát triển nhảy vọt.
- B. Đời sống nhân dân Trung Quốc được cải thiện.
- C. Kinh tế phát triển nhưng đời sống nhân dân Trung Quốc khó khăn.
- D. Nền kinh tế hỗn loạn, sản xuất giảm sút, đời sống nhân dân điêu đứng.

Câu 25. Tình hình nội bộ Đảng Cộng sản và Nhà nước Trung Quốc như thế nào khi thực hiện đường lối "Ba ngọn cờ hồng"?

- A. Đảng, Nhà nước được củng cố và vững mạnh.
- B. Nội bộ đoàn kết, nhất trí.
- C. Bất đồng về đường lối và tranh giành quyền lực gay gắt.
- D. Nội bộ mâu thuẫn.

Câu 26. Cuộc "Đại cách mạng vô sản" ở Trung Quốc diễn ra vào thời gian nào?

- A. Từ năm 1966 đến năm 1969.
- B. Từ năm 1966 đến năm 1971.
- C. Từ năm 1967 đến năm 1969.
- D. Từ năm 1967 đến năm 1970.

Câu 27. Những nhà lãnh đạo Trung Quốc có chủ trương sửa chữa sai lầm từ lúc nào?

- A. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc tháng 12/1978.
- B. Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XII (9/1982).

C. Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XIII (10/1987).

D. Từ lúc bình thường hóa quan hệ Xô - Trung (1989).

Câu 28. Trung Quốc thực hiện đường lối cải cách mở cửa vào thời gian nào?

A. Năm 1976.

B. Năm 1977.

C. Năm 1978.

D. Năm 1985.

Câu 29. Đường lối đổi mới trong chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc có đặc điểm gì?

A. Lấy cải tổ chính trị làm trọng tâm.

B. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.

C. Lấy phát triển kinh tế, chính trị làm trọng tâm.

D. Lấy phát triển văn hóa làm trọng tâm.

Câu 30. Từ tháng 12-1978, Đảng cộng sản Trung Quốc đã đề ra đường lối mới, Đường lối mới đó là:

A. Kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa.

B. Kiên trì chuyên chính dân chủ nhân dân.

C. Kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

D. Chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc.

Câu 31. Sau 20 năm cải cách mở cửa (1979 - 1998), tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Trung Quốc tăng trung bình hằng năm là:

A. 7,6% đứng thứ bảy trên thế giới.

B. 8,6% đứng thứ bảy trên thế giới.

C. 9,6% đứng thứ bảy trên thế giới.

D. 10% đứng thứ bảy trên thế giới.

Câu 32. Với chính sách cải cách mở cửa, tổng giá trị xuất nhập khẩu năm 1997 lên tới bao nhiêu USD so với năm 1978?

A. 300,06 USD (tăng gấp 15 lần).

B. 320,06 USD (tăng gấp 15 lần).

C. 325,06 USD (tăng gấp 15 lần).

D. 330,06 USD (tăng gấp 15 lần).

Câu 33. Kết quả của sau 20 năm cải cách mở cửa (1979 - 1998) nền kinh tế Trung Quốc đã:

A. Ổn định và phát triển mạnh.

B. Phát triển nhanh chóng đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới.

C. Không ổn định và bị chững lại.

D. Bị cạnh tranh gay gắt.

Câu 34. Hãy nối các niên đại ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B.

A	B
1. 1/10/1949	A. Bắt đầu kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở Trung Quốc.
2. 1979-1998	B. Đại Cách mạng văn hóa vô sản.
3. 12-1978	C. Nội chiến lần thứ 4 ở Trung Quốc.
4. 1946-1949	D. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập.
5. 1953-1957	E. Thời kỳ cải cách mở cửa ở Trung Quốc.
6. 5/1966	G. TW Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra đường lối đổi mới.

Câu 35. Từ sau 1978, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thực hiện đường lối đối ngoại có gì mới so với trước?

- A. Góp phần giải quyết các vụ tranh chấp quốc tế.
- B. Bình thường hóa quan hệ với Liên Xô, Mông Cổ, Lào, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam.
- C. Mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với hầu hết các nước.
- D. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 36. Hãy sắp xếp các sự kiện sau theo thứ tự thời gian:

- A. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập.
- B. Bắt đầu đường lối "Ba ngọn cờ hồng".
- C. Cuộc đại cách mạng văn hóa vô sản.
- D. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của Trung Quốc.
- E. Mười năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- J. Bắt đầu đường lối mở cửa.
- G. Hai mươi năm biến động.

Bài 5

CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

Câu 1. Hầu hết các nước Đông Nam Á trước Chiến tranh thế giới thứ hai là thuộc địa của các nước nào (trừ Thái Lan)?

- A. Thuộc địa của Mĩ, Nhật.
- B. Thuộc địa của Pháp, Nhật.
- C. Thuộc địa của Anh, Pháp, Mĩ.
- D. Thuộc địa của các thực dân phương Tây.

Câu 2. Khi phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện (Táng 8/1945), các nước nào sau đây đã nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền?

- A. In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin.
- B. Việt Nam, Lào.
- C. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam.
- D. Việt Nam, Campuchia.

Câu 3. Tình hình Đông Nam Á giữa những năm 50 của thế kỉ XX như thế nào?

- A. Chiến tranh ác liệt.
- B. Ngày càng phát triển phồn thịnh.
- C. Ngày càng trở nên căng thẳng.
- D. Ổn định và phát triển.

Câu 4. Vì sao vào những năm 50 của thế kỉ XX, tình hình Đông Nam Á ngày càng trở nên căng thẳng?

- A. Mĩ, Anh, Nhật thành lập khối quân sự Đông Nam Á (SEATO).
- B. Mĩ thực hiện chiến lược toàn cầu.
- C. Mĩ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam và mở rộng chiến tranh sang Lào, Cam-pu-chia.
- D. Mĩ biến Thái Lan thành căn cứ quân sự.

Câu 5. Từ những năm 50 của thế kỉ XX trong chính sách đối ngoại của mình các nước Đông Nam Á đã có sự phân hóa như thế nào?

- A. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia kháng chiến chống Mỹ.
- B. Thái Lan, Phi-líp-pin tham gia khối quân sự Đông Nam Á (SEATO).
- C. In-đô-nê-xi-a, Miến Điện thi hành chính sách hòa bình trung lập.
- D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 6. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc nào là lực lượng thù địch lớn nhất của phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Đông Nam Á?

- A. Đế quốc Đức.
- B. Đế quốc Pháp.
- C. Đế quốc Mỹ.
- D. Đế quốc Anh.

Câu 7. Vì sao Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma không tham gia "Tổ chức Hiệp ước phòng thủ tập thể Đông Nam Á" (SEATO) ra đời ngày 8/9/1954?

- A. Vì SEATO là công cụ xâm lược do Mỹ lập ra.
- B. Vì SEATO chống lại phong trào giải phóng dân tộc.
- C. Vì một số nước Đông Nam Á (như Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a,...) có chính sách đối ngoại hòa bình trung lập.
- D. Vì tất cả lí do nói trên.

Câu 8. Lí do cụ thể nào liên quan trực tiếp với việc giải thể khối SEATO (9/1975)?

- A. Các nước thành viên luôn xảy ra xung đột.
- B. Nhân dân Đông Nam Á không đồng tình với sự tồn tại của SEATO.
- C. SEATO không phù hợp với xu thế phát triển của Đông Nam Á,
- D. Thất bại của đế quốc Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954-1975).

Câu 9. Biến đổi tích cực quan trọng đầu tiên của các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Từ những nước thuộc địa trở thành những nước độc lập.
- B. Nhiều nước có tốc độ phát triển kinh tế khá nhanh.
- C. Hiệp hội các nước Đông Nam Á thành lập (ASEAN).
- D. Ngày càng mở rộng đối ngoại, hợp tác với các nước Đông Á và EU.

Câu 10. Ngày 8/8/1967, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) thành lập với sự tham gia của 5 nước nào?

- A. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Thái Lan.
- B. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào, Phi-líp-pin, Xin-ga-po.
- C. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a.
- D. In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Việt Nam, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a.

Câu 11. Hãy nối các các niên đại ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B.

A	B
1. 8/8/1967	A. Kháng chiến chống Mĩ của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia thắng lợi.
2. 2/1976	B. Quân tình nguyện Việt Nam tiến vào Cam-pu-chia.
3. 12/1978	C. Hiệp ước các nước Đông Nam Á (ASEAN) thành lập.
4. 1975	D. Hiệp ước thân thiện và hợp tác của các nước ASEAN.
5. 10/1991	E. Hiệp định hòa bình về Cam-pu-chia.

Câu 12. ASEAN ra đời nhằm cùng nhau hợp tác trên lĩnh vực nào?

- A. Kinh tế - chính trị
- B. Quân sự - chính trị
- C. Kinh tế - quân sự
- D. Kinh tế

Câu 13. Tháng 8 năm 1967 Tuyên bố Băng Cốc nhằm mục đích gì?

- A. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội khu vực Đông Nam Á.
- B. Hòa bình, ổn định khu vực Đông Nam Á.
- C. Nhằm giúp đỡ lẫn nhau trên mọi lĩnh vực.
- D. Các lí do trên đều đúng.

Câu 14. Hiệp ước Ba li (2/1976) đã nêu ra nguyên tắc cơ bản trong quan hệ các nước ASEAN đó là:

- A. Tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.
- B. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
- C. Hợp tác phát triển có kết quả.
- D. Tất cả các nguyên tắc trên.

Câu 15. Quan hệ giữa Việt Nam với ASEAN từ 1979 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX là:

- A. Quan hệ hợp tác song phương.
- B. Quan hệ đối thoại.
- C. Quan hệ đối đầu do bất đồng về quan hệ kinh tế.
- D. Quan hệ đối đầu do vấn đề Cam-pu-chia.

Câu 16. Vì sao từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX, quan hệ giữa Việt Nam và nước Đông Dương với các nước ASEAN ngày càng được cải thiện?

- A. Cam-pu-chia đạt được các giải pháp hòa giải và hòa hợp dân tộc, quân tình nguyện Việt Nam rút khỏi Cam-pu-chia.
- B. Chính sách đối ngoại của Việt Nam là muốn là bạn của tất cả các nước.
- C. Cả A, B đều đúng.
- D. Cả A, B đều sai.

Câu 17. Hiệp định hòa bình về Cam-pu-chia vào tháng 10 năm 1991 nhằm:

- A. Xây dựng Cam-pu-chia thành một nước trung lập.
- B. Xây dựng Cam-pu-chia thành một nước xã hội chủ nghĩa.

C. Xây dựng một nước Cam-pu-chia hòa bình, độc lập, trung lập, không liên kết, phồn vinh và có quan hệ hữu nghị với tất cả các nước.

D. Xây dựng Cam-pu-chia thành một nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 18. Việt Nam gia nhập ASEAN vào khoảng thời gian nào?

A. Tháng 5 năm 1995.

B. Tháng 6 năm 1995.

C. Tháng 7 năm 1995.

D. Tháng 8 năm 1995.

Câu 19. Nước nào trở thành thành viên thứ 6 của ASEAN?

A. Việt Nam.

B. Mi-an-ma.

C. Lào.

D. Bru-nây.

Câu 20. Năm 1997, ASEAN đã kết nạp thêm các nước:

A. Lào, Việt Nam.

B. Cam-pu-chia, Lào.

C. Lào, Mi-an-ma.

D. Mi-an-ma, Việt Nam.

Câu 21. Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị cấp cao ASEAN vào năm nào?

A. Năm 2000.

B. Năm 2001.

C. Năm 2002.

D. Năm 2003.

Câu 22. Nước có thu nhập bình quân quốc dân lớn nhất khu vực Đông Nam Á là:

A. Xin-ga-po.

B. Bru-nây.

C. Thái Lan.

D. Phi-líp-pin.

Câu 23. Từ những năm 90 của thế kỉ XX đến nay, ASEAN đã chuyển trọng tâm hoạt động hợp tác sang lĩnh vực nào?

A. Hợp tác trên lĩnh vực du lịch.

B. Hợp tác trên lĩnh vực kinh tế.

C. Hợp tác trên lĩnh vực quân sự.

D. Hợp tác trên lĩnh vực giáo dục.

Câu 24. Năm 1992, ASEAN quyết định biến Đông Nam Á thành:

A. Một khu vực phồn thịnh.

B. Một khu vực ổn định và phát triển.

C. Một khu vực mậu dịch tự do.

D. Một khu vực hòa bình.

Câu 25. Năm 1994, ASEAN thành lập Diễn đàn Khu vực (ARF) nhằm mục đích gì?

A. Tạo một môi trường ổn định để hợp tác với tất cả các nước trên thế giới.

B. Tạo một môi trường ổn định để hợp tác với tất cả các nước ở Châu Á.

C. Tạo một môi trường hòa bình, ổn định cho công cuộc hợp tác phát triển của Đông Nam Á.

D. Tạo một môi trường ổn định để hợp tác trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Bài 6

CÁC NƯỚC CHÂU PHI

Câu 1. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước châu Phi là thuộc địa của:

- A. Tư bản phương Tây.
- B. Anh, Pháp.
- C. Tây Ban Nha.
- D. Bồ Đào Nha.

Câu 2. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi nổ ra sớm nhất ở vùng nào?

- A. Bắc Phi.
- B. Nam Phi.
- C. Đông Phi.
- D. Tây Phi.

Câu 3. Cộng hòa Ai Cập tuyên bố thành lập vào năm nào?

- A. Năm 1951.
- B. Năm 1952.
- C. Năm 1953.
- D. Năm 1954.

Câu 4. Cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân An-giê-ri kéo dài trong bao nhiêu năm?

- A. 5 năm.
- B. 6 năm.
- C. 7 năm.
- D. 8 năm.

Câu 5. Vì sao, lịch sử ghi nhận năm 1960 là năm của châu Phi?

- A. Tất cả các nước châu Phi đều giành được độc lập.
- B. 17 nước ở châu Phi giành được độc lập.
- C. Chủ nghĩa thực dân sụp đổ ở châu Phi.
- D. Hệ thống thuộc địa của đế quốc lần lượt tan rã.

Câu 6. Chiến thắng Điện Biên Phủ ở Việt Nam đã ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến phong trào giải phóng dân tộc của nước nào ở châu Phi?

- A. Ai Cập.
- B. Tuy-ni-di.
- C. Ăng-gô-la.
- D. An-giê-ri.

Câu 7. Cuộc đấu tranh chống chế độ thực dân cũ diễn ra trên biển và quyết liệt nhất ở nước nào của châu Phi?

- A. Tuy-ni-di.
- B. Ma rốc.
- C. An-giê-ri.
- D. Ghi-nê.

Câu 8. Sự kiện nào đánh dấu mốc sụp đổ về căn bản chủ nghĩa thực dân cũ cùng hệ thống thuộc địa của nó ở châu Phi?

- A. 1960: "Năm châu Phi".
- B. 1962: An-giê-ri được công nhận độc lập.
- C. 1994: Nen-xơn Man-đê-la trở thành tổng thống da đen đầu tiên.
- D. 11/1975: Nước Cộng hòa Nhân dân Ăng-gô-la ra đời.

Câu 9. Lí do nào từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX đến nay, các nước châu Phi vẫn còn gặp nhiều khó khăn?

- A. Các cuộc xung đột nội chiến đẫm máu giữa các bộ tộc, sắc tộc.
- B. Sự bùng nổ dân số, đói nghèo, bệnh tật, nợ nần chồng chất.

- C. Sự xâm nhập, bóc lột của chủ nghĩa thực dân mới.
- D. Cả ba lý do trên.

Câu 10. Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc kẻ thù chủ yếu của người dân da đen ở Nam Phi là:

- A. Chủ nghĩa thực dân cũ.
- B. Chủ nghĩa thực dân mới.
- C. Chủ nghĩa A-pác-thai.
- D. Chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

Câu 11. Tội ác lớn nhất, tàn bạo nhất của chủ nghĩa A-pác-thai là gì?

- A. Bóc lột tàn bạo người da đen.
- B. Gây chia rẽ nội bộ người Nam Phi.
- C. Tước quyền tự do của người da đen.
- D. Phân biệt chủng tộc và kì thị chủng tộc đối với người da đen.

Câu 12. Sự kiện nào dưới đây gắn liền với tên tuổi của Nen-xơn Man-đê-la?

- A. Chiến sĩ nổi tiếng chống ách thống trị của bọn thực dân.
- B. Lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở An-giê-ri.
- C. Lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở Ăng-gô-la.
- D. Lãnh tụ của phong trào đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.

Câu 13. Nen-xơn Man-đê-la trở thành tổng thống Nam Phi đánh dấu sự kiện lịch sử gì?

- A. Sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới.
- B. Đánh dấu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ.
- C. Sự chấm dứt chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở châu Phi kéo dài ba thế kỉ.
- D. Sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi.

Câu 14. Chiến lược "kinh tế vĩ mô" (6/1996) ở Nam Phi ra đời với tên gọi là gì?

- A. Giải quyết việc làm cho người lao động da đen.
- B. Vì sự ổn định và phát triển của kinh tế đất nước.
- C. Hội nhập, cùng phát triển.
- D. Tăng trưởng, việc làm và phân phối lại.

Câu 15. Vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc châu Phi được mệnh danh là "Đại lục mới trỗi dậy"?

- A. Châu Phi thường xuyên bị động đất.
- B. Châu Phi đánh thắng 17 kẻ thù đế quốc.
- C. Châu Phi, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ.
- D. Lý do nào cũng đúng.

Câu 16. Nét nổi bật của các nước châu Phi từ những năm 80 thế kỉ XX đến nay là gì?

- A. Kinh tế, xã hội tương đối ổn định.
- B. Xung đột, nội chiến.
- C. Đói nghèo, nợ nần chồng chất và bệnh tật.
- D. Câu B và C đúng.

Câu 17. Hiện nay châu Phi có 57 quốc gia, nhưng có bao nhiêu quốc gia xếp vào nhóm các nước nghèo nhất thế giới?

- A. 30 nước.
- B. 31 nước.
- C. 32 nước.
- D. 33 nước.

Câu 18. Nước nào ở châu Phi có tỉ lệ tăng dân số cao nhất thế giới (5,2% / năm)?

- A. Cộng hòa Nam Phi.
- B. Ru-an-đa.
- C. Ăng- gô-la.
- D. Mô-dăm- bích.

Câu 19. Nước nào ở châu Phi có tỉ lệ người mù chữ cao nhất thế giới (70%)?

- A. Ru-an-đa.
- B. Xê-nê-gan.
- C. Ghi- nê.
- D. Ăng- gô- la.

Câu 20. Đầu thập niên 90 của thế kỉ XX, châu Phi có số nợ:

- A. 100 USD.
- B. 200 USD.
- C. 300 USD.
- D. 400 USD.

Bài 7

CÁC NƯỚC MĨ LA-TINH

Câu 1. Khái niệm các nước Mĩ La-tinh là chỉ khu vực địa lý nào?

- A. Vùng Bắc Mĩ.
- B. Vùng Nam Mĩ.
- C. Châu Mĩ.
- D. Vùng Trung và Nam Mĩ.

Câu 2. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Mĩ La-tinh là:

- A. Thuộc địa của Anh, Pháp.
- B. Thuộc địa của Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.
- C. Những nước hoàn toàn độc lập.
- D. Những nước cộng hòa, những nước trên thực tế là thuộc địa kiểu mới của Mĩ.

Câu 3. Từ những thập niên đầu của thế kỉ XX nhiều nước Mĩ La-tinh đã thoát khỏi sự lệ thuộc của Tây Ban Nha nhưng lại rơi vào vòng lệ thuộc của nước nào?

- A. Thực dân Anh.
- B. Đế quốc Mĩ.
- C. Thực dân Pháp.
- D. Đế quốc Nhật.

Câu 4. Phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La-tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai được mệnh danh là gì?

- A. "Đại lục mới trời dậy"
- B. "Đại lục bùng cháy"
- C. Đại lục có phong trào giải phóng dân tộc phát triển nhất
- D. "Đại lục bùng cháy" và "Đại lục mới trời dậy"

Câu 5. Kẻ thù chủ yếu của nhân dân các nước Mĩ La-tinh là:

- A. Chế độ phân biệt chủng tộc.
- B. Chủ nghĩa thực dân cũ.
- C. Chế độ tay sai phản động của chủ nghĩa thực dân mới.
- D. Giai cấp địa chủ phong kiến.

Câu 6. Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Mĩ La-tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai đòi hỏi giải quyết nhiệm vụ chính là gì?

- A. Dân tộc.
- B. Dân chủ.
- C. Dân tộc - dân chủ.
- D. Chống phân biệt chủng tộc.

Câu 7. Từ những năm 60 đến những năm 80 của thế kỉ XX, phong trào đấu tranh của nhân dân các nước Mĩ La-tinh diễn ra dưới hình thức nào?

- A. Bãi công của công nhân.
- B. Đấu tranh chính trị.
- C. Đấu tranh vũ trang.
- D. Sự nổi dậy của người dân.

Câu 8. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La-tinh có thể chia ra các giai đoạn nào sau đây?

- A. 1945 - 1954, 1954 - 1975, 1975 đến nay.
- B. 1945 - 1959, 1959 - 1975, 1975 đến nay.
- C. 1945 - 1954, 1954 - 1959, 1959 - 1980, 1980 đến nay.
- D. 1945 - 1959, 1959 đến cuối những năm 80, cuối những năm 80 đến nay.

Câu 9. Vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ La-tinh được mệnh danh là "Đại lục bùng cháy"?

- A. Ở đây thường xảy ra cháy rừng.
- B. Ở đây nhân dân đã đứng lên đấu tranh chống đế quốc Mĩ.
- C. Ở đây có cuộc cách mạng nổi tiếng Cu Ba bùng nổ.
- D. Ở đây các nước tấn công vào nước Mĩ.

Câu 10. Ai là người lãnh đạo phong trào cách mạng ngày 26/7/1953 ở Cu Ba?

- A. Chê Ghê-va-na.
- B. Phi-đen Cax-tơ-rô.
- C. Ra-un Cax-tơ-rô.
- D. A-gien-đê.

Câu 11. Cách mạng Cu Ba mở đầu bằng sự kiện lịch sử nào?

- A. Cuộc đổ bộ của tàu "Gran-ma" lên đất Cu Ba (1956).
- B. Cuộc tấn công vào trại lính Môn-ca-đa (26/7/1953).
- C. Nghĩa quân Cu Ba mở cuộc tấn công (1958).
- D. Nghĩa quân Cu Ba chiếm lĩnh thủ đô La Ha-ba-na (1/1/1959).

Câu 12. Nội dung nào dưới đây không thuộc cải cách dân chủ ở Cu Ba?

- A. Quốc hữu hóa xí nghiệp của tư bản nước ngoài.
- B. Xây dựng chính quyền cách mạng các cấp.
- C. Thanh toán nạn mù chữ, phát triển giáo dục.
- D. Thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước trong khu vực.

Câu 13. Phi-đen Cax-tơ-rô tuyên bố Cu Ba tiến lên chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh nào?

- A. Đất nước đã lật đổ chế độ độc tài Ba-tix-ta.
- B. Trong giờ phút quyết liệt của cuộc chiến đấu tiêu diệt đội quân đánh thuê của Mĩ tại bãi biển Hi-rôn.
- C. Mĩ bao vây cấm vận.
- D. Mất nguồn viện trợ to lớn từ khi Liên Xô tan rã.

Câu 14. Từ những năm 60 của thế kỉ XX đến nay, Mĩ đã thực hiện chính sách cấm vận kinh tế đối với nước nào ở Mĩ la-tinh?

- A. Mê-hi-cô.
- B. Cu Ba.
- C. Chi-lê.
- D. Vê-nê-du-ê-la.

Câu 15. Nước nào được mệnh danh là "Lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc Mỹ La-tinh"?

- A. Ac-hen-ti-na.
- B. Bra-xin.
- C. Cu Ba.
- D. Mê-hi-cô.

Câu 16. Phi-đen Cax-tơ-rô cùng 81 chiến sĩ đáp tàu Gra-ma vượt biển trở về Tổ quốc vào ngày tháng năm nào?

- A. Ngày 25 tháng 11 năm 1954.
- B. Ngày 25 tháng 11 năm 1955.
- C. Ngày 25 tháng 11 năm 1956.
- D. Ngày 25 tháng 11 năm 1957.

Câu 17. Trong tiến trình cách mạng Cu Ba, sự kiện gì đã diễn ra vào ngày 31 tháng 12 năm 1958?

- A. Cuộc đổ bộ của tàu "Gran-ma" lên đất Cu Ba.
- B. Cuộc tấn công vào trại lính Môn-ca-đa.
- C. Tên độc tài Ba-tix-ta chạy trốn ra nước ngoài.
- D. Nghĩa quân Cu Ba chiếm lĩnh thủ đô La-Ha-ba-na.

Câu 18. Cách mạng Cu Ba thắng lợi vào ngày tháng năm nào?

- A. Ngày 01 tháng 01 năm 1956.
- B. Ngày 01 tháng 01 năm 1957.
- C. Ngày 01 tháng 01 năm 1958.
- D. Ngày 01 tháng 01 năm 1959.

Câu 19. Bằng trái tim và tình cảm chân thành Phi-đen và nhân dân Cu Ba luôn ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam:

- A. "Vì Việt Nam, Cu Ba sẵn sàng hiến cả máu."
- B. "Vì Việt Nam, Cu Ba sẵn sàng chiến đấu."
- C. "Vì Việt Nam, Cu Ba sẵn sàng hy sinh."
- D. "Vì Việt Nam, Cu Ba sẵn sàng cử quân tình nguyện sang chiến trường Việt Nam."

Câu 20. Sau khi cách mạng thành công, bước vào giai đoạn mới, nhân dân Cu Ba đã làm gì để khôi phục và phát triển kinh tế đất nước?

- A. Cải cách dân chủ triệt để, cải cách ruộng đất.
- B. Quốc hữu hóa xí nghiệp của tư bản nước ngoài.
- C. Xây dựng chính quyền cách mạng.
- D. Tất cả câu trên đúng.

CHƯƠNG III

MỸ, NHẬT BẢN, TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Bài 8

NƯỚC MỸ

Câu 1. Mĩ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính duy nhất của thế giới vào khoảng thời gian nào?

- A. Từ năm 1945 đến năm 1975. B. Từ năm 1918 đến năm 1945.
C. Từ năm 1950 đến năm 1980. D. Từ năm 1945 đến năm 1950.

Câu 2. Nguyên nhân nào là cơ bản nhất thúc đẩy nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Mỹ giàu lên nhờ buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến.
B. Tài nguyên thiên nhiên phong phú.
C. Áp dụng các thành tựu của cách mạng khoa học- kỹ thuật.
D. Tập trung sản xuất và tư bản cao.

Câu 3. Nền kinh tế Mĩ không còn chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế thế giới vào khoảng thời gian nào?

- A. Những năm 60 (thế kỉ XX).
B. Những năm 70 (thế kỉ XX).
C. Những năm 80 (thế kỉ XX).
D. Những năm 90 (thế kỉ XX).

Câu 4 Nguyên nhân nào làm cho nền kinh tế Mỹ không còn điều kiện phát triển như trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Do Mĩ gánh chịu hậu quả của chiến tranh.
B. Đầu tư lớn cho công nghiệp quốc phòng.
C. Tập trung sản xuất và tư bản cao.
D. Tiến hành chiến tranh xâm lược và nô dịch các nước.

Câu 5: Từ sau Chiến tranh thế giới hai đến nay, Mĩ là trung tâm kinh tế tài chính duy nhất của thế giới, đúng hay sai?

- A. Đúng B. Sai

Câu 6. Nguyên nhân dẫn đến sự suy yếu của nền kinh tế MI?

- A. Sự vươn lên cạnh tranh của Tây Âu và Nhật Bản.
B. Kinh tế Mỹ không ổn định do vấp phải nhiều cuộc suy thoái, khủng hoảng.
C. Do đeo đuổi tham vọng bá chủ thế giới.
D. Cả bốn nguyên nhân trên.

Câu 7. Nước nào khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai?

- A. Anh. B. Pháp. C. Mĩ. D. Nhật.

Câu 8. Cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật lần thứ hai bắt đầu vào khoảng thời gian nào?

3. Giữa những năm 40 của thế kỉ XX.

C. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918).

D. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 - 1945).

Câu 9. Trong quá trình chinh phục vũ trụ, quốc gia nào đưa con người lên Mặt Trăng đầu tiên (7/1969)?

A. Mĩ.

B. Nhật.

C. Liên Xô.

D. Trung Quốc.

Câu 10. Mĩ đã đạt được những thành tựu chủ yếu gì về khoa học - kĩ thuật?

A. Chế ra công cụ sản xuất mới, các nguồn năng lượng mới, tìm ra những vật liệu mới.

B. Thực hiện "Cuộc cách mạng Xanh" trong nông nghiệp, trong giao thông thông tin liên lạc, chinh phục vũ trụ,...

C. Sản xuất được những vũ khí hiện đại.

D. A, B, C đúng.

Câu 11. Mĩ đã ban hành đạo luật Táp-Hác-Lây nhằm mục đích gì?

A. Thực hiện chế độ phân biệt chủng tộc.

B. Chống phong trào công nhân và Đảng Cộng sản Mỹ hoạt động.

C. Chống sự nổi loạn của thế hệ trẻ.

D. Đối phó với phong trào đấu tranh của người da đen.

Câu 12. Các đời tổng thống Mĩ có điểm giống nhau trong chính đối ngoại đó là:

A. Chuẩn bị tiến hành "Chiến tranh tổng lực".

B. "Chiến lược toàn cầu hóa".

C. Xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mĩ.

D. "Chủ nghĩa lấp chỗ trống".

Câu 13. Mục tiêu cơ bản của "Chiến lược toàn cầu" của Mĩ là:

A. Ngăn chặn, đẩy lùi rồi tiến tới tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, khống chế các nước đồng minh của Nĩ.

C. Thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.

D. A, B, C đúng.

Câu 14. "Chính sách thực lực" của Mĩ là gì?

A. Chính sách xâm lược thuộc địa.

B. Chạy đua vũ trang với Liên Xô.

C. Chính sách dựa vào sức mạnh của Mĩ.

D. Thành lập các khối quân sự.

Câu 15. "Chiến lược toàn cầu" là của đời Tổng thống Mĩ nào đưa ra?

A. Tơ-ru-man.

B. Ken-nơ-đi.

C. Ai-xen-hao.

D. Giôn-xơn.

Câu 16. Liên minh quân sự nào sau đây không phải do Mĩ lập nên?

A. Khối NATO

B. Khối VACSAVA

C. Khối SEATO

D. A, B, C đúng

Câu 17. Khối NATO còn gọi là:

- A. Khối Nam Đại Tây Dương.
- B. Khối Bắc Đại Tây Dương.
- C. Khối Đông Đại Tây Dương.
- D. Khối Tây Nam Đại Tây Dương.

Câu 18. "Chính sách thực lực" và "Chiến lược toàn cầu" của đế quốc Mĩ bị thất bại nặng nề nhất ở đâu?

- A. Triều Tiên.
- B. Việt Nam.
- C. Cu Ba.
- D. Lào.

Câu 19. Hãy sắp xếp các đời Tổng thống Mĩ theo đúng trình tự thời gian:

- A. Tơ-ru-man
- B. Ri-gân
- C. Nich-xon
- D. Ai-xen-hao
- E. Ken-nơ-đi
- G. Giôn-xơn
- F. Bu-sơ
- H. B.Clin-tơn

Câu 20. Thành công của Mĩ trong chính sách đối ngoại là gì?

- A. Thực hiện nhiều chiến lược qua các đời Tổng thống.
- B. Lập được nhiều khối quân sự (NATO, SEATO, CENTO,...).
- C. Thực hiện được một số mưu đồ góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.
- D. A, B, C đúng.

Câu 21. Tổng thống Mĩ sang thăm Việt Nam đầu tiên vào năm nào?

- A. 1990
- B. 1991
- C. 1992
- D. 1993

Bài 9

NHẬT BẢN

Câu 1. Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện vào ngày tháng năm nào?

- A. Ngày 14 tháng 8 năm 1945.
- B. Ngày 15 tháng 8 năm 1945.
- C. Ngày 16 tháng 8 năm 1945.
- D. Ngày 17 tháng 8 năm 1945.

Câu 2. Khó khăn nào là lớn nhất đối với Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Bị quân đội Mĩ chiếm đóng theo chế độ quân quản.
- B. Bị các nước đế quốc bao vây kinh tế.
- C. Nạn thất nghiệp, thiếu lương thực, thực phẩm.
- D. Bị mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá nặng nề.

Câu 3. Sau chiến tranh, sản xuất công nghiệp của Nhật Bản chỉ còn bao nhiêu % so với trước chiến tranh?

- A. Chỉ còn 5% so với trước chiến tranh.
- B. Chỉ còn 7% so với trước chiến tranh.
- C. Chỉ còn 10% so với trước chiến tranh.
- D. Chỉ còn 12% so với trước chiến tranh.

Câu 4. Cải cách nào là quan trọng nhất nước Nhật đã tiến hành sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Cải cách hiến pháp.
- B. Cải cách ruộng đất.
- C. Cải cách giáo dục.
- D. Cải cách văn hóa.

Câu 5. Sang những năm 50 của thế kỉ XX, kinh tế Nhật phát triển được do nguyên nhân cơ bản nào?

- A. Nhờ những đơn đặt hàng của Mĩ khi Mĩ phát động chiến tranh xâm lược Triều Tiên và Việt Nam.
- B. Nhật áp dụng những thành tựu khoa học kĩ thuật.
- C. Vươn lên cạnh tranh với Tây Âu.
- D. "Luồn lách" xâm nhập thị trường các nước.

Câu 6. Sự phát triển "thần kì" của nền kinh tế Nhật Bản bắt đầu trong khoảng thời gian nào?

- A. Những năm 50 của thế kỉ XX.
- B. Những năm 60 của thế kỉ XX.
- C. Những năm 70 của thế kỉ XX.
- D. Những năm 80 của thế kỉ XX.

Câu 7. Năm 1968, tổng sản phẩm quốc dân của Nhật đạt:

- A. 180 tỉ USD.
- B. 181 tỉ USD
- C. 182 tỉ USD.
- D. 183 tỉ USD

Câu 8. Trong những năm 1961- 1970, tốc độ tăng trưởng bình quân về công nghiệp của Nhật hằng năm là bao nhiêu?

- A. 12,5%.
- B. 13,5%.
- C. 14,5%.
- D. 15,5%.

Câu 9. Những năm 1967-1969, sản lượng lương thực của Nhật đã cung cấp được:

- A. 80% nhu cầu trong nước.
- B. 70% nhu cầu trong nước.
- C. 60% nhu cầu trong nước.
- D. 50% nhu cầu trong nước.

Câu 10. Sự phát triển "thần kì" của Nhật Bản được biểu hiện rõ nhất ở điểm nào?

- A. Năm 1968, tổng sản phẩm quốc dân đứng hàng thứ 2 trên thế giới sau Mĩ. (Nhật 183 tỉ USD, Mĩ 830 tỉ USD).
- B. Trong khoảng hơn 20 năm (1950 - 1973), tổng sản phẩm quốc dân của Nhật Bản tăng 20 lần.
- C. Từ thập niên 70 (thế kỉ XX) Nhật Bản trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế tài chính của thế giới tư bản. (Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản).
- D. Từ nước chiến bại, hết sức khó khăn thiếu thốn, Nhật Bản vươn lên thành siêu cường kinh tế.

Câu 11. Trong sự phát triển "thần kì" của Nhật Bản có nguyên nhân nào giống với nguyên nhân phát triển kinh tế của các nước tư bản khác?

- A. Lợi dụng vốn nước ngoài, tập trung đầu tư vào các ngành kĩ thuật then chốt.
- B. Biết tận dụng và khai thác những thành tựu khoa học-kĩ thuật.
- C. "Len lách" xâm nhập vào thị trường các nước, thực hiện cải cách dân chủ.
- D. Phát huy truyền thống tự lực tự cường của nhân dân Nhật Bản.

Câu 12. Đâu là nguyên nhân khách quan làm cho kinh tế Nhật Bản phát triển?

- A. Truyền thống văn hóa tốt đẹp, con người Nhật Bản có ý chí vươn lên, được đào tạo chu đáo, cần cù lao động.
- B. Nhờ cải cách ruộng đất.
- C. Vai trò quan trọng của Nhà nước trong việc đề ra chiến lược phát triển, hệ thống quản lý có hiệu quả của các xí nghiệp, công ty.
- D. Biết tận dụng thành tựu khoa học kỹ thuật thế giới.

Câu 13. Để phát triển khoa học kỹ thuật, ở Nhật Bản có hiện tượng gì ít thấy ở các nước khác?

- A. coi trọng và phát triển nền giáo dục quốc dân, khoa học kỹ thuật.
- B. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.
- C. Xây dựng nhiều công trình hiện đại trên mặt biển và dưới đáy biển.
- D. coi trọng việc nhập kỹ thuật hiện đại, mua bằng phát minh của nước ngoài.

Câu 14. Nền kinh tế Nhật Bản đầu năm 90 của thế kỷ XX:

- A. Tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao.
- B. Bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước có nền công nghiệp mới.
- C. Lậm vào tình trạng suy thoái kéo dài chưa từng thấy từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- D. Giữ vai trò siêu cường kinh tế.

Câu 15. Mục đích của việc Mĩ-Nhật kí "Hiệp ước an ninh Mĩ-Nhật" là:

- A. Nhật Bản muốn lợi dụng vốn kỹ thuật của Mĩ để phát triển kinh tế.
- B. Nhật Bản trở thành căn cứ chiến lược của Mĩ.
- C. Hình thành một liên minh Mĩ-Nhật chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc vùng Viễn Đông.
- D. Tạo thế cân bằng giữa Mĩ và Nhật.

Câu 16. Điểm nổi bật trong quan hệ đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Không đưa quân đi tham chiến ở nước ngoài.
- B. Kí hiệp ước an ninh Mĩ-Nhật (08/09/1951).
- C. Cạnh tranh gay gắt với Mĩ và các nước Tây Âu.
- D. Phát triển kinh tế đối ngoại, xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế ở khắp mọi nơi, đặc biệt là Đông Nam Á.

Câu 17. Nhật Bản bắt đầu đặt quan hệ ngoại giao với các nước ASEAN vào năm nào?

- A. Vào năm 1976.
- B. Vào năm 1977.
- C. Vào năm 1978.
- D. Vào năm 1979.

Câu 18. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến 1950, Nhật Bản đã vươn lên đứng đầu thế giới. Đúng hay sai?

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 19. Đảng Dân chủ tự do (LDP) liên tục cầm quyền ở Nhật bao nhiêu năm?

- A. 30 năm.
- B. 35 năm.
- C. 38 năm.
- D. 40 năm.

Câu 20. Đầu những 90 của thế kỉ XX tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Nhật Bản liên tục giảm sút. Năm 1999 giảm sút bao nhiêu %?

- A. 1,11%.
- B. 1,15%.
- C. 1,17%.
- D. 1,17%.

Bài 10

CÁC NƯỚC TÂY ÂU

Câu 1. Để khôi phục kinh tế, năm 1948, 16 nước Tây Âu nhận viện trợ của Mĩ với "Kế hoạch Mác-san" còn được gọi là:

- A. Kế hoạch khôi phục châu Âu.
- B. Kế hoạch phục hưng kinh tế các nước Tây Âu.
- C. Kế hoạch phục hưng châu Âu.
- D. Kế hoạch phục hưng kinh tế châu Âu.

Câu 2. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, để nhận được viện trợ của Mĩ các nước Tây Âu phải tuân theo những điều kiện nào do Mĩ đặt ra?

- A. Tiến hành quốc hữu hóa các xí nghiệp tư bản, hạ thuế quan đối với hàng hóa của Mĩ.
- B. Không được tiến hành quốc hữu hóa các xí nghiệp, hạ thuế quan đối với hàng hóa Mĩ, gạt bỏ những người cộng sản ra khỏi chính phủ.
- C. Để hàng hóa Mĩ tràn ngập thị trường Tây Âu.
- D. Đảm bảo các quyền tự do cho người lao động.

Câu 3. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ lập khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) vào tháng 04/1949 nhằm mục đích gì?

- A. Chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- B. Chống lại Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.
- C. Chống lại Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam.
- D. Chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 4. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, 4 nước nào sau đây đã phân chia lãnh thổ nước Đức thành 4 khu vực để chiếm đóng và kiểm soát?

- A. Mĩ, Anh, Pháp, Nhật.
- B. Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp.
- C. Mĩ, Liên Xô, Trung Quốc, Nhật Bản.
- D. Liên Xô, Trung Quốc, Mĩ, Anh.

Câu 5. Sự ra đời của khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) 04/1949 đã làm cho tình hình châu Âu:

- A. Ổn định và có điều kiện để phát triển.
- B. Có sự đối đầu gay gắt giữa các nước với nhau.

- C. Căng thẳng dẫn đến sự chạy đua vũ trang và thiết lập nhiều căn cứ quân sự.
- D. Để xảy ra một cuộc chiến tranh mới.

âu 6. Nguyên nhân nào là chủ yếu để Mỹ và các nước phương Tây ra sức "viện trợ" cho Tây Đức nhanh chóng phục hồi và phát triển kinh tế sau chiến tranh?

- A. Để thúc đẩy quá trình hòa bình hóa nước Đức.
- B. Để Tây Đức có ưu thế so với Đông Đức.
- C. Để biến Tây Đức thành một "lực lượng xung kích" của khối NATO, công đồng Liên Xô và các nước XHCN.
- D. Để Tây Đức trở thành quốc gia có tiềm lực kinh tế mạnh nhất châu Âu.

âu 7. Cộng hòa Liên bang Đức gia nhập NATO năm nào?

- A. Năm 1954.
- B. Năm 1955.
- C. Năm 1956.
- D. Năm 1957.

âu 8. Cộng hòa Dân chủ Đức sát nhập vào CHLB Đức vào thời gian nào?

- A. Ngày 03 tháng 09 năm 1990.
- B. Ngày 03 tháng 10 năm 1990.
- C. Ngày 03 tháng 11 năm 1990.
- D. Ngày 03 tháng 12 năm 1990.

âu 9. Khối Thị trường chung châu Âu (EEC) ra đời vào năm nào?

- A. Năm 1954.
- B. Năm 1955.
- C. Năm 1956.
- D. Năm 1957.

âu 10. Các thành viên đầu tiên của Khối thị trường chung châu Âu (EEC) bao gồm:

- A. Anh, Pháp, Đức, Bỉ, I-ta-li-a, Hà Lan.
- B. Anh, Pháp, Đức, Hà Lan, Bỉ, Tây Ban Nha.
- C. Pháp, Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan, Luc-xem-bua.
- D. Pháp, Đức, Bỉ, Hà Lan, I-ta-li-a, Bồ Đào Nha.

âu 11. Tên gọi khác của Khối Thị trường chung châu Âu (EEC) là gì?

- A. Cộng đồng Kinh tế châu Âu.
- B. Liên minh châu Âu.
- C. A, B đúng.
- D. A, B sai.

âu 12. Thời gian nào sau đây đánh dấu mốc mang tính đột biến, của quá trình liên kết quốc tế ở châu Âu?

- A. Tháng 12/1991.
- B. Tháng 12/1992.
- C. Tháng 12/1993.
- D. Tháng 12/1994.

âu 13. Đồng tiền chung châu Âu với tên gọi EURO phát hành từ ngày nào?

- A. Ngày 01 tháng 01 năm 1999.
- B. Ngày 01 tháng 02 năm 1999.
- C. Ngày 01 tháng 03 năm 1999.
- D. Ngày 01 tháng 04 năm 1999.

âu 14. Với những bước tiến của quá trình liên kết, từ năm 1993, Cộng đồng châu Âu mang tên mới là Liên minh châu Âu viết tắt là:

- A. EEC.
- B. EC.
- C. EU.
- D. A, B, C sai.

âu 15. Đến năm 1999 số nước thành viên của Liên minh châu Âu là bao nhiêu nước?

- A. 14 nước.
- B. 15 nước.
- C. 16 nước.
- D. 17 nước.

Câu 16. Cộng đồng Kinh tế châu Âu (EEC) ra đời từ 1957 có ý nghĩa tích cực và bao quát nhất là gì?

- A. Tạo ra ở châu Âu một cộng đồng kinh tế và một thị trường chung để đẩy mạnh phát triển kinh tế và ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật
- B. Có điều kiện để cạnh tranh kinh tế, thương mại tài chính với Mĩ và Nhật.
- C. Tiến tới thống nhất chính sách đối nội, đối ngoại giữa các nước trong cộng đồng.
- D. Phát hành đồng tiền chung.

Câu 17. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, trong thế giới tư bản có đặc điểm nào là biểu hiện tích cực nhất?

- A. Sự hình thành chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước.
- B. Sự "nhất thể hóa quốc tế" trong nền kinh tế.
- C. Sự khai thác những thành tựu khoa học kỹ thuật để đẩy mạnh phát triển kinh tế.
- D. Sự phát triển về văn hóa, giáo dục, văn học nghệ thuật.

Câu 18. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đặc biệt từ năm 1950 trở đi, một xu hướng mới phát triển ở các nước Tây Âu là gì?

- A. Liên kết kinh tế giữa các nước trong khu vực.
- B. Liên kết kinh tế giữa các nước TBCN.
- C. Liên kết kinh tế giữa các nước châu Âu.
- D. Liên kết kinh tế giữa các nước có nền công nghiệp phát triển.

Câu 19. Hội nghị cấp cao giữa các nước (EC) họp tại Ma-a-xơ-rích tháng 12/1991 quyết định Cộng đồng châu Âu (EC) đổi thành:

- A. Liên minh châu Âu (EU).
- B. Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC).
- C. Cộng đồng than thép châu Âu.
- D. Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu.

Câu 20. Liên minh châu Âu ra đời ngày tháng năm nào?

- A. Ngày 01 tháng 09 năm 1993.
- B. Ngày 01 tháng 10 năm 1993.
- C. Ngày 01 tháng 11 năm 1993.
- D. Ngày 01 tháng 12 năm 1993.

CHƯƠNG IV

QUAN HỆ QUỐC TẾ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Bài 11

TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

âu 1. Tháng 2-1945, ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh tổ chức hội nghị cấp cao tại:

- A. Liên Xô. B. Pháp. C. Mĩ. D. Anh.

âu 2. Thời gian diễn ra hội nghị I-an-ta:

- A. Từ ngày 04 đến 12 tháng 02 năm 1945.
B. Từ ngày 04 đến 12 tháng 03 năm 1945.
C. Từ ngày 04 đến 12 tháng 04 năm 1945.
D. Từ ngày 04 đến 12 tháng 05 năm 1945.

âu 3. Để giữ gìn hòa bình, an ninh và trật tự thế giới sau chiến tranh, Hội nghị I-an-ta đã quyết định vấn đề gì?

- A. Thành lập Liên Hợp Quốc.
B. Tổ chức trật tự thế giới sau chiến tranh.
C. Phân chia khu vực chiếm đóng, phạm vi ảnh hưởng của các nước.
D. Thực hiện chế độ quân quản ở các nước phát xít bại trận.

âu 4. Nhân vật nào sau đây không có mặt tại Hội nghị I-an-ta?

- A. Ru-dơ-ven. B. Đờ-gôn. C. Xta-lin. D. Sớc-sin.

âu 5. Nội dung nào sau đây không có trong quyết định của Hội nghị I-an-ta?

- A. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.
B. Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật sau khi chiến tranh kết thúc ở châu Âu từ 2 đến 3 tháng.
C. Thỏa thuận việc đóng quân tại các nước để giải giáp quân phát xít.
D. Mĩ và Liên Xô chuyển từ đối đầu sang đối thoại, hợp tác.

âu 6. Tại sao gọi là "trật tự hai cực I-an-ta"?

- A. Đại diện hai nước Liên Xô và Mĩ phân chia khu vực ảnh hưởng.
B. Tại Hội nghị I-an-ta, Liên Xô và Mĩ phân chia khu vực ảnh hưởng và đại diện cho hai phe.
C. Tại Hội nghị I-an-ta các nước tham gia hội nghị đã xảy ra nhiều cuộc xung đột.
D. Các nước tham gia hội nghị đã tạo điều kiện hình thành một trật tự thế giới mới.

âu 7. Theo sự thỏa thuận của Hội nghị I-an-ta (từ 4-12/4/1945), Việt Nam thuộc phạm vi ảnh hưởng của nước nào?

- A. Các nước phương Tây. B. Pháp.
C. Liên Xô. D. Mĩ.

Câu 8. Theo quy định của Hội nghị I-an-ta, quân đội nước nào sẽ chiếm đóng các vùng lãnh thổ Tây Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản, Nam Triều Tiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Liên Xô B. Anh C. Mĩ D. Pháp

Câu 9. Theo quy định của Hội nghị I-an-ta, quân đội nước nào sẽ chiếm đóng các vùng Đông Đức, Đông Âu, Đông Bắc Triều Tiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Liên Xô B. Anh C. Mĩ D. Pháp

Câu 10. Hiến chương Liên Hợp Quốc và quyết định chính thức thành lập Liên Hợp Quốc được thông qua tại hội nghị nào?

- A. Hội nghị I-an-ta (Liên Xô): 9/2/1945.
B. Hội nghị Xan-phran-xi-xcô (Mĩ): 4-6/1945.
C. Hội nghị Pôt-xơ-đam (Đức): 7-8/1945.
D. A, B đúng.

Câu 11. Nhiệm vụ chính là duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển mối quan hệ giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của các dân tộc và thực hiện hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, xã hội và nhân đạo là nhiệm vụ chính của:

- A. Liên minh châu Âu. B. Hội nghị I-an-ta.
C. ASEAN. D. Liên Hợp Quốc.

Câu 12. Việt Nam gia nhập tổ chức Liên Hợp Quốc vào thời gian nào?

- A. Tháng 8 năm 1997. B. Tháng 9 năm 1997.
C. Tháng 1 năm 1987. D. Tháng 11 năm 1987.

Câu 13. Sự kiện nào dẫn đến sự tan vỡ mối quan hệ Đồng minh chống phát xít giữa Liên Xô và Mĩ.

- A. Sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
B. Sự ra đời của "Chủ nghĩa Tơ-ru-man" và "Chiến tranh lạnh" (3/1947).
C. Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử (1949).
D. Sự ra đời của khối NATO.

Câu 14. "Chiến tranh lạnh" do Tổng thống Mĩ Tơ-ru-man phát động vào thời gian nào?

- A. Tháng 1 năm 1947. B. Tháng 2 năm 1947.
C. Tháng 3 năm 1947. D. Tháng 4 năm 1947.

Câu 15. Mục tiêu của "Chiến tranh lạnh" do Mĩ phát động là gì?

- A. Mĩ và các nước đế quốc thực hiện chính sách thù địch, chống Liên Xô và các nước XHCN.
B. Mĩ lôi kéo các nước Đồng minh của mình chống Liên Xô.
C. Chống lại sự ảnh hưởng của Liên Xô.
D. Phá hoại phong trào cách mạng thế giới.

Câu 16. Mục đích bao quát nhất của "Chiến tranh lạnh" do Mĩ phát động là:

- A. Bắt các nước Đồng minh lệ thuộc Mĩ.
B. Ngăn chặn và tiến tới tiêu diệt các nước XHCN.

- C. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cách mạng thế giới.
- D. Thực hiện "Chiến lược toàn cầu" làm bá chủ thế giới của đế quốc Mỹ.

Câu 17. Hậu quả lớn nhất về kinh tế do cuộc "Chiến tranh lạnh" mang lại làm cho:

- A. Thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng.
- B. Các cường quốc phải chi một khoản tiền khổng lồ để chế tạo và sản xuất vũ khí.
- C. Nhân dân các nước châu Á, châu Phi chịu bao khó khăn, đói nghèo và bệnh tật.
- D. Tất cả các câu trên đúng.

Câu 18. Mĩ và Liên Xô chính thức tuyên bố chấm dứt "Chiến tranh lạnh" vào thời gian nào?

- A. Năm 1988.
- B. Năm 1989.
- C. Năm 1990.
- D. Năm 1991.

Câu 19. "Trật tự hai cực I-an-ta" bị sụp đổ là do:

- A. Xô - Mĩ mất dần vai trò của mình đối với các nước.
- B. Xô - Mĩ quá chán ngán trong chạy đua vũ trang.
- C. Các nước Tây Âu đã vượt xa Xô - Mĩ về khoa học kĩ thuật.
- D. Nhật Bản đã vượt xa Xô - Mĩ về khoa học kĩ thuật.

Câu 20. Quan hệ quốc tế chuyển từ đối đầu sang đối thoại vào thời gian nào?

- A. Từ nửa sau những năm 70 của thế kỉ XX.
- B. Từ nửa đầu những năm 80 của thế kỉ XX.
- C. Từ nửa sau những năm 80 của thế kỉ XX.
- D. Từ nửa đầu những năm 90 của thế kỉ XX.

Câu 21. Sau khi thế "hai cực I-an-ta" bị phá vỡ, Mĩ có chủ trương gì?

- A. Thiết lập một trật tự thế giới mới đa cực.
- B. Biến Liên Xô thành đồng minh đặc lực của mình.
- C. Liên kết chặt chẽ với các nước phương Tây, Nhật Bản.
- D. Thiết lập "Thế giới đơn cực" để dễ bề chi phối thống trị.

Câu 22. Sau "Chiến tranh lạnh", dưới tác động của cách mạng khoa học kĩ thuật, các nước ra sức điều chỉnh chiến lược với việc:

- A. Lấy quân sự làm trọng điểm.
- B. Lấy chính trị làm trọng điểm.
- C. Lấy kinh tế làm trọng điểm.
- D. Lấy văn hóa, giáo dục làm trọng điểm.

Câu 23. Đầu những năm 90 của thế kỉ XX, nhiều khu vực trên thế giới lại xảy ra những vụ xung đột quân sự hoặc nội chiến là do:

- A. Mâu thuẫn về dân tộc.
- B. Mâu thuẫn về tôn giáo.

C. Tranh chấp về biên giới, lãnh thổ.

D. Tất cả câu trên đúng.

Câu 24. Bước vào thế kỉ XXI, xu thế chung của thế giới ngày nay là gì?

A. Hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển.

B. Xu thế hòa hoãn và hòa dịu trong quan hệ quốc tế.

C. Cùng tồn tại trong hòa bình, các bên cùng có lợi.

D. Hòa nhập nhưng không hòa tan.

Câu 25. Hãy nối những sự kiện ở cột B cho phù hợp với niên đại ở cột A:

A

B

1. 04 đến 12/04/1945.

A. Việt Nam tham gia LHQ.

2. Tháng 09/1997.

B. Thế giới lâm vào cuộc khủng hoảng dầu mỏ.

3. 1973.

C. Hội nghị I-an-ta.

4. Tháng 12/1989.

D. Việt Nam trở thành thành viên của ASEAN.

5. 1995.

E. Tổng thống Mỹ phát động chiến tranh lạnh.

6. Tháng 10/1945.

F. Chấm dứt chiến tranh lạnh.

7. Tháng 3/1947

G. Thành lập LHQ

CHƯƠNG V

CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC – KỸ THUẬT TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Bài 12

NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CÁCH MẠNG KHOA HỌC – KỸ THUẬT

Câu 1. *Nước nào khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ 2?*

- A. Anh. B. Nhật. C. Mĩ. D. Liên Xô.

Câu 2. *Nhân loại đã trải qua hai cuộc cách mạng trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, đó là những cuộc cách mạng nào?*

- A. Cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII và cách mạng khoa học kỹ thuật thế kỉ XX.
B. Cuộc cách mạng kỹ thuật thế kỉ XVIII và cách mạng khoa học kỹ thuật thế kỉ XX.
C. Cuộc cách mạng kỹ thuật và cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII - XIX và cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đang diễn ra từ những năm 40 của thế kỉ XX đến nay.
D. Cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII - XIX và cuộc cách mạng công nghệ thế kỉ XX.

Câu 3. *Nội dung tổng quát của kỹ thuật là gì?*

- A. Cải tiến việc tổ chức sản xuất.
B. Cải tiến, hoàn thiện những phương tiện sản xuất (công cụ, máy móc, vật liệu).
C. Cải tiến việc quản lí sản xuất.
D. Cải tiến quan hệ sản xuất.

Câu 4. *Khoa học khác với kỹ thuật ở điểm nào?*

- A. Khoa học cơ bản đi trước kỹ thuật.
B. Khoa học phát minh, phát hiện các quy luật trong các lĩnh vực Toán, Lý, Hóa, Sinh.
C. Khoa học tạo điều kiện để kỹ thuật phát triển.
D. A, B, C đúng.

Câu 5. *Nguồn gốc sâu xa của cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII - XIX và cách mạng khoa học kỹ thuật thế kỉ XX là:*

- A. Do sự bùng nổ dân số.
B. Nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng đòi hỏi của cuộc sống con người.
C. Yêu cầu của việc cải tiến vũ khí, sáng tạo vũ khí mới.
D. Yêu cầu chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh hạt nhân.

Câu 6. Điểm khác biệt cơ bản giữa cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ hai với cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ nhất là gì?

- A. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.
- B. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn.
- C. Mọi phát minh về kĩ thuật đều dựa vào các ngành khoa học cơ bản.
- D. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Câu 7. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào sản xuất ngày càng rút ngắn. Đó là đặc điểm của:

- A. Cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ nhất
- B. Cách mạng công nghiệp
- C. Cách mạng văn minh Tin học
- D. Cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai

Câu 8. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai diễn ra theo những phương hướng nào?

- A. Đẩy mạnh các phát minh cơ bản.
- B. Đẩy mạnh tự động hóa công cụ lao động, chế tạo công cụ mới.
- C. Tìm những nguồn năng lượng mới.
- D. A, B, C đúng.

Câu 9. Loại công cụ lao động nào do cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ hai tạo nên đã được xem như "trung tâm thần kinh" kĩ thuật, thay con người trong toàn bộ quá trình sản xuất liên tục?

- A. "Người máy" (Ro-bot)
- B. Máy tính điện tử.
- C. Hệ thống máy tự động.
- D. Máy tự động.

Câu 10. Phát minh khoa học trong lĩnh vực nào góp phần quan trọng trong việc sản xuất ra những công cụ mới, vật liệu mới, nguồn năng lượng mới?

- A. Toán học.
- B. Vật lí học.
- C. Hóa học.
- D. Sinh học.

Câu 11. Thành tựu quan trọng nào của cách mạng khoa học kĩ thuật đã tham gia tích cực vào việc giải quyết vấn đề lương thực cho loài người?

- A. Phát minh sinh học.
- B. Phát minh hóa học.
- C. "Cách mạng xanh".
- D. Tạo ra công cụ lao động mới.

Câu 12. Máy tính điện tử đầu tiên ra đời ở đâu?

- A. Nước Mĩ.
- B. Nước Nhật.
- C. Nước Liên Xô.
- D. Nước Anh.

Câu 13. Người máy rô-bốt lần đầu tiên ra đời ở nước nào?

- A. Nước Mĩ.
- B. Nước Nhật.
- C. Nước Anh.
- D. Nước Đức.

Câu 14. Cuộc "Cách mạng xanh" trong nông nghiệp bắt nguồn từ:

- A. Mĩ
- B. Ấn Độ.
- C. Nhật.
- D. Mê-hi-cô.

Câu 15. Nước nào mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ?

- A. Mĩ. B. Liên Xô. C. Nhật. D. Trung Quốc.

Câu 16. Sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại dẫn đến một hiện tượng gì?

- A. Sự đầu tư và khoa học cho lãi cao.
B. Sự bùng nổ thông tin.
C. Nhiều người đầu tư vào việc phát minh sáng chế.
D. Chảy máu chất xám.

Câu 17. Ý nghĩa then chốt, quan trọng nhất của cách mạng khoa học-kĩ thuật lần thứ hai?

- A. Tạo ra một khối lượng hàng hoá đồ sộ.
B. Đưa loài người chuyển sang nền văn minh trí tuệ.
C. Thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất.
D. Sự giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng.

Câu 18. Hãy điền vào chỗ trống những từ thích hợp để hoàn chỉnh trích đoạn dưới đây về ý nghĩa và tác động tích cực của cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật lần thứ hai.

"Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật có ý nghĩa vô cùng to lớn như một cột mốc...(a)... của loài người, đã mang lại những tiến bộ...(b).....(c)...và những thay đổi to lớn trong cuộc sống con người.

Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật đã cho phép con người thực hiện...(d)...và năng suất lao động, nâng cao...(e)...và chất lượng cuộc sống con người với những hàng hóa mới và tiện nghi sinh hoạt mới,...(f)... đã đưa tới những thay đổi lớn về...(g)...với xu hướng dân cư lao động trong nông nghiệp và công nghiệp...(h)...dân, dân cư lao động trong các ngành dịch vụ ngày càng...(i)...

Câu 19. Đây là hạn chế cơ bản nhất trong quá trình diễn ra cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai?

- A. Cách mạng khoa học kĩ thuật chế tạo vũ khí đẩy nhân loại trước một cuộc chiến tranh mới.
B. Nguy cơ của một cuộc chiến tranh hạt nhân.
C. Chế tạo các loại vũ khí và phương tiện có tính chất tàn phá, hủy diệt. Nạn ô nhiễm môi trường, tai nạn, bệnh tật.
D. Nạn khủng bố, gây nên tình hình căng thẳng.

Bài 13
TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI
TỪ SAU NĂM 1945 ĐẾN NAY

Câu 1. Hệ thống XHCN thế giới hình thành vào năm nào?

- | | |
|--------------|--------------|
| A. Năm 1944. | B. Năm 1945. |
| C. Năm 1949. | D. Năm 1950. |

Câu 2. Năm nào được xem là năm châu Phi?

- | | |
|--------------|--------------|
| A. Năm 1945. | B. Năm 1955. |
| C. Năm 1960. | D. Năm 1965. |

Câu 3. Địa danh lịch sử nào sau đây, đánh dấu sự mở đầu việc sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ?

- | | |
|-------------------------------|---------------------|
| A. An-giê-ri. | B. Điện Biên Phủ. |
| C. Ph-nôm-pênh (Cam-pu-chia). | D. Viên-Chăn (Lào). |

Câu 4. Cuộc cách mạng ở nước nào đã đánh đổ chính quyền tay sai của chủ nghĩa thực dân kiểu mới?

- | | |
|-----------------------------|------------------------|
| A. Trung Quốc (01/10/1949). | B. Cu Ba (10/01/1959). |
| C. An-giê-ri (18/03/1962). | D. Ấn Độ (26/11/1950). |

Câu 5. Cách mạng nước nào sau đây được xem là "lá cờ đầu" của phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La-tinh?

- | | |
|--------------|-------------------|
| A. Mê-hi-cô. | B. Vê-nê-du-ê-la. |
| C. Cu Ba. | D. Ni-ca-ra-go. |

Câu 6. Chủ nghĩa A-pác-thai đã bị xoá bỏ ở đâu?

- | | |
|----------------|--------------|
| A. Mĩ La-tinh. | B. Nam Phi. |
| C. Trung Đông. | D. Châu Phi. |

Câu 7. Địa danh nào sau đây chưa phải là trung tâm tài chính của thế giới từ đầu trong những năm 70 của thế kỉ XX?

- | | | | |
|-------|-------------|-----------|-----------|
| A. Mĩ | B. Nhật Bản | C. Tây Âu | D. Nam Âu |
|-------|-------------|-----------|-----------|

Câu 8. Nguyên nhân chung thúc đẩy nền kinh tế ở các nước phát triển sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:

- A. Nhận viện trợ kinh tế và phụ thuộc Mĩ.
- B. Tinh thần tự lực, tự cường của mỗi nước.
- C. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng.
- D. Áp dụng những thành tựu của CM KH-KT.

Câu 9. Khối nào sau đây có nhiều tác dụng thúc đẩy sự phát triển và giao lưu kinh tế giữa các quốc gia?

- | | | | |
|--------------|----------------|---------------|--------------|
| A. Khối EEC. | B. Khối ASEAN. | C. Khối NATO. | D. A, B đúng |
|--------------|----------------|---------------|--------------|

Câu 10. Quốc gia nào từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đi đầu trong việc củng cố phong trào cách mạng thế giới và bảo vệ hòa bình thế giới?

- | | | | |
|----------------|-------------|--------------|-----------|
| A. Trung Quốc. | B. Liên Xô. | C. Việt Nam. | D. Cu Ba. |
|----------------|-------------|--------------|-----------|

Câu 11. Phong trào quốc tế nào đã có vai trò tích cực trong các mối quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Phong trào giải phóng dân tộc.
- B. Phong trào bảo vệ hòa bình thế giới.
- C. Phong trào không liên kết.
- D. A, B, C đúng.

Câu 12. Cuộc chiến tranh ở nước nào sau Chiến tranh thế giới thứ hai không có đế quốc Mĩ tham gia trực tiếp?

- A. Triều Tiên (1950-1953).
- B. Việt Nam (1960-1975).
- C. An-giê-ri (1954-1962).
- D. Chiến tranh Vùng Vịnh (thập niên 90 của thế kỉ XX).

Câu 13. Quan hệ quốc tế sau 1945 là sự xác lập trật tự thế giới nào?

- A. Hai cực.
- B. Đa cực, nhiều trung tâm.
- C. Đa cực.
- D. Đơn cực.

Câu 14. Giai đoạn lịch sử từ sau 1991 đến nay được gọi là thời kì:

- A. Sau "Chiến tranh lạnh", một trật tự thế giới đa cực, nhiều trung tâm.
- B. Một trật tự thế giới hai cực Xô-Mĩ.
- C. Một trật tự thế giới đơn cực.
- D. A, B đúng.

Câu 15. Hòa bình, ổn định, hợp tác phát triển vừa là:

- A. Nhiệm vụ chung của toàn nhân loại khi bước vào thế kỉ XXI.
- B. Vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các dân tộc khi bước vào thế kỉ XXI.
- C. Trách nhiệm của các nước đang phát triển.
- D. Trách nhiệm của các nước phát triển.

PHẦN HAI

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY

CHƯƠNG I

VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1919 – 1930

Bài 14

VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Câu 1. Vì sao, sau Chiến tranh thế giới thứ nhất Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa?

- A. Để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.
- B. Để bù đắp thiệt hại do Chiến tranh thế giới thứ nhất gây ra ở chính quốc.
- C. Để cạnh tranh với các nước tư bản khác.
- D. Để biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa cho Pháp.

Câu 2. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp bắt đầu vào thời điểm nào?

- A. Năm 1914.
- B. Năm 1918.
- C. Năm 1919.
- D. Năm 1920.

Câu 3. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp có điểm gì mới?

- A. Vừa khai thác vừa chế biến.
- B. Đầu tư phát triển công nghiệp nhẹ.
- C. Đầu tư phát triển công nghiệp nặng.
- D. Tăng cường đầu tư thu lãi cao.

Câu 4. Vì sao trong quá trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam, tư bản Pháp chú trọng đến việc khai thác mỏ than?

- A. Ở Việt Nam có trữ lượng than lớn.
- B. Than là nguyên liệu chủ yếu phục vụ cho công nghiệp chính quốc.
- C. Nước Pháp rất nghèo về nhiên liệu, nguyên liệu.
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 5. Vì sao trong quá trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam, tư bản Pháp hạn chế phát triển công nghiệp nặng?

- A. Cột chặt nền kinh tế Việt Nam lệ thuộc vào kinh tế Pháp.
- B. Biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa do nền công nghiệp Pháp sản xuất.
- C. Trong khi nền công nghiệp Việt Nam chưa có điều kiện phát triển, hực dân Pháp tìm cách kìm hãm sự phát triển đó.
- D. Tất cả cùng đúng.

Câu 6. Trong công cuộc khai thác thuộc địa lần hai, Pháp đã tăng cường đầu tư vốn vào ngành nào nhiều nhất?

- A. Công nghiệp nặng.
- B. Công nghiệp nhẹ.
- C. Nông nghiệp và khai thác mỏ.
- D. Thương nghiệp và xuất khẩu.

Câu 7. Vào thời gian nào số vốn mà Pháp đầu tư vào nông nghiệp lên tới 400 triệu phơrăng, gấp 10 lần trước chiến tranh?

- A. Năm 1926.
- B. Năm 1927.
- C. Năm 1928.
- D. Năm 1929.

Câu 8. Vì sao, Pháp tăng cường đầu tư vốn vào nông nghiệp và khai thác mỏ?

- A. Bù đắp sự thiệt hại nặng nề do chiến tranh gây ra.
- B. Cao su và than đá là hai mặt hàng mà thị trường Pháp và thế giới có yêu cầu cao.
- C. Tạo điều kiện có việc làm cho lao động Việt Nam.
- D. Thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển.

Câu 9. Trong chính sách thương nghiệp, tại sao Pháp đánh thuế nặng các hàng hóa nước ngoài?

- A. Tạo sự cạnh tranh giữa hàng hóa các nước nhập vào Đông Dương.
- B. Cản trở sự xâm nhập của hàng hóa nước ngoài.
- C. Muốn độc quyền chiếm thị trường Việt Nam và Đông Dương.
- D. Tạo điều kiện cho thương nghiệp Đông Dương phát triển.

Câu 10. Để độc quyền chiếm thị trường Đông Dương, tư bản Pháp đã làm gì?

- A. Ban hành đạo luật đánh thuế nặng các hàng hóa nước ngoài nhập vào Đông Dương.
- B. Cản trở hoạt động của tư bản Trung Quốc, Nhật Bản.
- C. Lập ngân hàng Đông Dương.
- D. Chỉ nhập hàng hóa Pháp vào thị trường Đông Dương.

Câu 11. Trong chính sách khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp về căn bản không thay đổi so với cuộc khai thác lần thứ nhất vì:

- A. Không xây dựng các ngành công nghiệp nặng ở nước ta.
- B. Tăng cường đánh thuế nặng.
- C. Hạn chế phát triển công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp nặng, biến Đông Dương thành thị trường độc chiếm của tư bản Pháp.
- D. Bỏ vốn nhiều vào nông nghiệp và khai thác mỏ.

Câu 12. Nền kinh tế Việt Nam chịu tác động của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp như thế nào?

- A. Nền kinh tế Việt Nam phát triển độc lập.
- B. Nền kinh tế Việt Nam vẫn bị lạc hậu, què quặt.
- C. Nền kinh tế Việt Nam phát triển thêm một bước nhưng bị kìm hãm, lệ thuộc Pháp.
- D. Nền kinh tế Việt Nam lệ thuộc hoàn toàn vào Pháp.

Câu 13. Những thủ đoạn thâm độc nhất của tư bản Pháp về chính trị sau Chiến tranh thế giới thứ nhất nhằm nô dịch lâu dài nhân dân Việt Nam là gì?

- A. Thâu tóm quyền hành trong tay người Pháp.
- B. Câu kết với vua quan Nam triều để đàn áp nhân dân.
- C. “Chia để trị”.
- D. Khủng bố, đàn áp nhân dân ta.

Câu 14. Thực dân Pháp thi hành chính sách “chia để trị”, chia nước ta thành ba kỳ với ba chế độ chính trị khác nhau, đó là:

- A. Nam Kỳ: thuộc Pháp; Trung Kỳ: nửa bảo hộ; Bắc Kỳ: bảo hộ.
- B. Nam Kỳ: bảo hộ; Trung Kỳ: thuộc Pháp; Bắc Kỳ: bảo hộ.
- C. Nam Kỳ: nửa bảo hộ; Trung Kỳ: bảo hộ; Bắc Kỳ: thuộc Pháp.
- D. Nam Kỳ: thuộc Pháp; Trung Kỳ: bảo hộ; Bắc Kỳ: nửa bảo hộ.

Câu 15. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ở Việt Nam, thực dân Pháp đã thi hành chính sách chính trị gì?

- A. Mua chuộc, lôi kéo địa chủ và tư bản người Việt.
- B. Vua quan Nam Triều chỉ là bù nhìn, quyền lực trong tay người Pháp.
- C. Thắng tay đàn áp, khủng bố nhân dân ta.
- D. A, B, C đúng.

Câu 16. Chính sách văn hóa, giáo dục của thực dân Pháp được thực hiện nhằm mục đích gì?

- A. Mở các trường học dạy tiếng Pháp.
- B. Thi hành chính sách văn hóa nô dịch.
- C. Xuất bản sách báo tuyên truyền chính sách “khai thác” của Pháp.
- D. Tạo điều kiện cho nền văn hóa, giáo dục Việt Nam phát triển.

Câu 17. Giai cấp mới ra đời do hậu quả của việc đẩy mạnh công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam sau chiến tranh là giai cấp nào?

- A. Giai cấp công nhân
- B. Giai cấp tiểu tư sản
- C. Giai cấp tư sản
- D. Giai cấp địa chủ

Câu 18. Giai cấp có số lượng tăng nhanh trong cơ cấu xã hội Việt Nam do hậu quả của cuộc khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp sau chiến tranh là giai cấp nào?

- A. Nông dân
- B. Địa chủ
- C. Công nhân
- D. Tư sản

Câu 19. Trở thành tay sai, làm chỗ dựa cho thực dân Pháp tăng cường chiếm đoạt, bóc lột kinh tế, đàn áp chính trị đối với người nông dân giai cấp nào?

- A. Giai cấp địa chủ phong kiến.
- B. Tầng lớp đại địa chủ.
- C. Tầng lớp tư sản mại bản
- D. Giai cấp tư sản dân tộc.

Câu 20. Giai cấp đại địa chủ phong kiến có thái độ chính trị như thế nào đối với thực dân Pháp?

- A. Sẵn sàng thoả hiệp với Pháp để chống tư sản dân tộc.
- B. Sẵn sàng phối hợp với tư sản dân tộc để chống Pháp khi bị chèn ép.

- C. Sẵn sàng thoả hiệp với Pháp để hưởng quyền lợi.
- D. Sẵn sàng đứng lên chống thực dân Pháp khi bị cắt xén quyền lợi về kinh tế.

Câu 21. Vừa mới ra đời giai cấp tư sản Việt Nam đã:

- A. Được thực dân Pháp dung dưỡng.
- B. Bị thực dân Pháp chèn ép, kìm hãm.
- C. Bị thực dân Pháp bóc lột nặng nề nhất.
- D. Được thực dân Pháp sử dụng làm tay sai đắc lực cho chúng.

Câu 22. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Đông Dương có hai giai cấp bị phân hoá thành hai bộ phận, đó là các giai cấp nào?

- A. Giai cấp nông dân và giai cấp công nhân.
- B. Giai cấp công nhân và giai cấp tư sản.
- C. Giai cấp đại địa chủ phong kiến và giai cấp tư sản.
- D. Giai cấp tư sản dân tộc và tầng lớp tiểu tư sản.

Câu 23. Giai cấp tư sản Việt Nam bị phân hoá thành hai bộ phận nào?

- A. Tư sản dân tộc và tư sản thương nghiệp.
- B. Tư sản dân tộc và tư sản công nghiệp.
- C. Tư sản dân tộc và tư sản mại bản.
- D. Tư sản dân tộc và tư sản công thương.

Câu 24. Có tinh thần dân tộc dân chủ, chống đế quốc, phong kiến nhưng thái độ không kiên định, dễ thoả hiệp, đó là đặc điểm của giai cấp nào?

- A. Giai cấp địa chủ phong kiến.
- B. Giai cấp tư sản.
- C. Tầng lớp tư sản dân tộc.
- D. Tầng lớp tư sản mại bản.

Câu 25. Vì sao giai cấp tư sản dân tộc không đủ khả năng nắm lấy sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam?

- A. Bị tầng lớp tư sản mại bản chèn ép.
- B. Số lượng ít, thế lực kinh tế yếu.
- C. Thái độ không kiên định dễ thoả hiệp.
- D. A, B, C đúng.

Câu 26. Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng nào?

- A. Đại diện cho lực lượng sản xuất tiên bộ.
- B. Có tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm.
- C. Bị ba tầng lớp áp bức bóc lột, có quan hệ tự nhiên với giai cấp nông dân, kế thừa truyền thống yêu nước của dân tộc.
- D. Điều kiện lao động và sinh sống tập trung.

Câu 27. Lực lượng hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng Việt Nam là giai cấp nào?

- A. Giai cấp nông dân.
- B. Giai cấp công nhân.
- C. Giai cấp tiểu tư sản.
- D. Giai cấp tư sản dân tộc.

Câu 28. Có tinh thần cách mạng triệt để, có ý thức tổ chức kỷ luật gắn với nền văn xuất hiện đại, có quan hệ mật thiết với giai cấp nông dân. Đó là giai cấp nào?

- A. Tiểu tư sản B. Công nhân C. Tư sản D. Địa chủ

Câu 29. Vì sao tầng lớp tiểu tư sản trở thành bộ phận quan trọng của cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta?

- A. Vì bị thực dân Pháp chèn ép, bạc đãi, khinh rẻ.
B. Vì đời sống bấp bênh, dễ bị xô đẩy vào con đường phá sản thất nghiệp.
C. Câu A đúng, câu B sai.
D. Câu A, B đều đúng.

Câu 30. Giai cấp công nhân Việt Nam xuất thân chủ yếu từ giai cấp nào trong xã hội Việt Nam?

- A. Giai cấp tư sản bị phá sản.
B. Giai cấp nông dân bị tước đoạt ruộng đất.
C. Tầng lớp tiểu tư sản bị chèn ép.
D. Thợ thủ công bị thất nghiệp.

Câu 31. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất xã hội Việt Nam tồn tại nhiều mâu thuẫn, trong đó mâu thuẫn nào là cơ bản nhất?

- A. Mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ.
B. Mâu thuẫn giữa công nhân và tư bản.
C. Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam và chủ nghĩa thực dân Pháp.
D. Mâu thuẫn giữa tư sản và địa chủ.

Bài 15

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1919 - 1925)

Câu 1. Những sự kiện nào trên thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất có ảnh hưởng đến cách mạng Việt Nam?

- A. Thành công của cách mạng tháng Mười Nga (1917), sự thành lập Quốc tế cộng sản (2/1919).
B. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.
C. Hội nghị Véc-xai.
D. Sự ra đời của các Đảng Cộng sản ở các nước châu Âu.

Câu 2. Ở Việt Nam, sau Chiến tranh thế giới thứ nhất phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản phát triển mạnh mẽ vì:

- A. Chủ nghĩa Mác Lê-nin được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam.
B. Do ảnh hưởng tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn.
C. Giai cấp công nhân đã chuyển sang đấu tranh tự giác.
D. Thực dân Pháp đang trên đà suy yếu.

- Câu 3. “Như chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân” Trần Dân Tiên ví cho sự kiện nào?**
- A. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái tại Sa Diện - Quảng Châu - Trung Quốc (6/1924).
 - B. Cuộc đấu tranh đòi thả tự do cho cụ Phan Bội Châu (1925).
 - C. Phong trào đấu tranh đòi thả tang cụ Phan Chu Trinh (1926).
 - D. Khởi nghĩa Yên Bái (2/1930).
- Câu 4. Phong trào yêu nước dân tộc dân chủ công khai diễn ra trong những năm nào?**
- A. Từ năm 1919 đến năm 1925.
 - B. Từ năm 1919 đến năm 1926.
 - C. Từ năm 1919 đến năm 1927.
 - D. Từ năm 1919 đến năm 1928.
- Câu 5. Đảng Lập hiến là tổ chức của giai cấp nào?**
- A. Giai cấp công nhân.
 - B. Giai cấp tiểu tư sản.
 - C. Giai cấp tư sản dân tộc.
 - D. Giai cấp phong kiến.
- Câu 6. Giai cấp tư sản dân tộc có những hoạt động gì trong những năm 1919-1926?**
- A. “Chấn hưng nội hóa”, “Bãi trừ ngoại hóa”, chống độc quyền cảng Sài Gòn và độc quyền xuất cảng lúa gạo Nam Kỳ.
 - B. Chống độc quyền thương cảng Sài Gòn.
 - C. Lập Đảng Thanh niên, dùng báo chí bênh vực quyền tự do cho mình.
 - D. Không thỏa hiệp với thực dân Pháp.
- Câu 7. Chọn cụm từ dưới đây, điền vào chỗ trống cụm từ cho hợp nghĩa: Một số tư sản và địa chủ lớn ở Nam Kỳ (đại biểu là Nguyễn Phan Long, Bùi Quang Chiêu) đã thành lập..... để tập hợp lực lượng.**
- A. Đảng Lập hiến.
 - B. Đảng Thanh niên.
 - C. Việt Nam Nghĩa đoàn.
 - D. Hội Phục Việt.
- Câu 8. Những tổ chức chính trị như: Việt Nam nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Hội Hưng Nam, Đảng Thanh niên là tiền thân của:**
- A. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
 - B. Việt Nam Quốc dân đảng.
 - C. Tân Việt cách mạng đảng.
 - D. Đông Dương cộng sản đảng.
- Câu 9. Trong những năm 1919-1926, tầng lớp tiểu tư sản có những tờ báo tiến bộ nào sau đây:**
- A. Chuông rè, Tin tức, Thanh niên.
 - B. Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê.
 - C. Thanh niên, Chuông rè, An Nam trẻ.
 - D. Người nhà quê, An nam trẻ, Thanh niên.
- Câu 10. Phong trào nào sau đây là phong trào yêu nước dân chủ công khai diễn ra vào những năm 1924-1925?**
- A. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái và đấu tranh đòi thả tự do cho cụ Phan Bội Châu.
 - B. Xuất bản những tờ báo tiến bộ và lập ra nhà xuất bản Tiến bộ.

C. Cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả cụ Phan Bội Châu và làm tang cụ Phan Châu Trinh.

D. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái và đám tang cụ Phan Châu Trinh.

Câu 11. Phong trào công nhân Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1929 trong quá trình phát triển chia làm 2 giai đoạn, đó là:

A. Từ năm 1919 đến năm 1925 và từ năm 1925 đến năm 1929.

B. Từ năm 1919 đến năm 1926 và từ năm 1926 đến năm 1929.

C. Từ năm 1919 đến năm 1927 và từ năm 1927 đến năm 1929.

D. Từ năm 1919 đến năm 1928 và từ năm 1928 đến năm 1929.

Câu 12. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ này còn lẻ tẻ, tự phát nhưng ý thức giai cấp phát triển nhanh chóng. Đó là đặc điểm của phong trào công nhân Việt Nam trong những năm nào?

A. Từ năm 1919 đến năm 1924. B. Từ năm 1919 đến năm 1925.

C. Từ năm 1919 đến năm 1926. D. Từ năm 1919 đến năm 1927.

Câu 13. Nguyên nhân chủ quan làm cho phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919-1926) cuối cùng thất bại, đó là:

A. Hệ tư tưởng dân chủ tư sản trở nên lỗi thời, lạc hậu.

B. Thực dân Pháp còn mạnh đủ khả năng đàn áp phong trào.

C. Giai cấp tư sản dân tộc do yếu kém về kinh tế nên ươn hèn về chính trị, tầng lớp tư sản do điều kiện kinh tế bấp bênh không thể lãnh đạo phong trào cách mạng.

D. Do chủ nghĩa Mác-Lê nin chưa được truyền bá sâu rộng ở Việt Nam.

Câu 14. Phong trào công nhân trong những năm 1919-1924 đấu tranh với mục tiêu chủ yếu là:

A. Đòi quyền lợi về kinh tế.

B. Đòi quyền lợi về chính trị.

C. Đòi quyền lợi về kinh tế và chính trị.

D. Để giải phóng dân tộc.

Câu 15. Chọn và điền vào chỗ trống những từ thích hợp: Sang năm 1914, có nhiều cuộc bãi công của công nhân nhà máy dệt, rượu, xay gạo nổ ra ở.....

A. Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương.

B. Nam Định, Hà Nội, Hải Phòng.

C. Nghệ An, Hà Tĩnh, Hải Phòng.

D. Hà Nội, Vinh, Bến Thủy.

Câu 16. Sự kiện nào sau đây đánh dấu phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam đã đi vào đấu tranh tự giác?

A. Cuộc bãi công của công nhân thợ nhuộm ở Chợ Lớn (1922).

B. Tổng bãi công của công nhân Bắc Kỳ (1922).

C. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son - Sài Gòn (8/1925).

D. Cuộc bãi công của 1000 công nhân nhà máy sợi Nam Định (1926).

Câu 17. Sự kiện nào thể hiện “Tư tưởng Cách mạng tháng Mười Nga đã thấm sâu hơn vào giai cấp công nhân và bắt đầu biến thành hành động của giai cấp công nhân Việt Nam”?

- A. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son cảng Sài Gòn (1925).
- B. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo luận cương của Lê nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7-1920)
- C. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái vang dội ở Sa Điện - Quảng Châu (6-1924).
- D. Nguyễn Ái Quốc gửi đến hội nghị Véc-xai bản yêu sách (1919).

Câu 18. Năm 1920, công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn đã thành lập tổ chức gì, do ai đứng đầu?

- A. Tổ chức Công hội, do Tôn Đức Thắng đứng đầu.
- B. Đảng Thanh niên, do Tôn Đức Thắng đứng đầu.
- C. Tổ chức Việt Nam Nghĩa đoàn, do Tôn Đức Thắng đứng đầu.
- D. Tổ chức Hội Phục Việt, do Tôn Đức Thắng đứng đầu.

Câu 19. Mục đích cuộc đấu tranh của công nhân viên chức các sở công thương của tư bản Pháp ở Bắc kì vào năm 1922 là gì?

- A. Đòi nghỉ ngày chủ nhật.
- B. Đòi nghỉ ngày chủ nhật có lương.
- C. Đòi ngày làm việc 8 giờ.
- D. Đòi ngày làm việc 8 giờ, đòi nghỉ ngày chủ nhật.

Câu 20. Sự kiện gì nổi tiếng trong phong trào dân tộc dân chủ, nổ ra vào tháng 6 năm 1924?

- A. Cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu.
- B. Đám tang Phan Châu Trinh.
- C. Tiếng bom Phạm Hồng Thái tại Sa Điện (Quảng Châu).
- D. Cuộc bãi công của thợ máy xưởng Ba Son (Sài Gòn).

Bài 16
HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC
Ở NƯỚC NGOÀI TRONG NHỮNG NĂM 1919-1925

Câu 1. Khác với các bậc tiền bối, trong quá trình tìm đường cứu nước Nguyễn Ái Quốc đã đi sang đâu?

- A. Đi sang phương Tây tìm đường cứu nước.
- B. Đi sang châu Mỹ tìm đường cứu nước.
- C. Đi sang châu Phi tìm đường cứu nước.
- D. Đi sang phương Đông tìm đường cứu nước.

Câu 2. Sự kiện nào sau đây đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc?

- A. Ảnh hưởng của cách mạng tháng Mười Nga (1917) đến tư tưởng cứu nước của Nguyễn Ái Quốc.
- B. Đưa yêu sách đến Hội nghị Véc-xai (18/6/1919).
- C. Đọc sơ thảo luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê-nin (7/1920).
- D. Bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12/1920).

Câu 3. Việc Nguyễn Ái Quốc bước đầu tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn được đánh dấu bằng sự kiện nào?

- A. Đưa yêu sách đến Hội nghị Véc-xai (18/6/1919).
- B. Tiếp cận luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7/1920).
- C. Gia nhập Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12/1920).
- D. Nguyễn Ái Quốc sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa (1921) ở Pari.

Câu 4. Vạch trần chính sách đàn áp bóc lột dã man của chủ nghĩa đế quốc nói chung và đế quốc Pháp nói riêng, thức tỉnh các dân tộc bị áp bức nổi dậy đấu tranh tự giải phóng. Đó là nội dung của tờ báo nào?

- A. Đời sống công nhân
- B. Nhân đạo
- C. Người cùng khổ
- D. Tạp chí thư tín quốc tế

Câu 5. Câu thơ sau đây của nhà thơ Chế Lan Viên phù hợp với sự kiện nào trong cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc: “Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười”?

- A. Khi Người sáng lập ra Hội liên hiệp thuộc địa ở Pari.
- B. Khi Người đọc luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
- C. Khi Người viết bài và làm chủ nhiệm tờ báo “Người cùng khổ”.
- D. Khi Người dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V (1924).

Câu 6. Để nghiên cứu học tập chủ nghĩa Mác-Lê nin và tìm hiểu Cách mạng tháng Mười Nga, từ năm 1920 đến đầu 1923 Nguyễn Ái Quốc hoạt động chủ yếu ở đâu?

- A. Liên Xô
- B. Pháp
- C. Trung Quốc
- D. Anh

Câu 7. Nguyễn Ái Quốc trình bày lập trường, quan điểm của mình về vị trí chiến lược của cách mạng ở các nước thuộc địa, về mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các thuộc địa, về vai trò và sức mạnh to lớn của giai cấp nông dân ở các nước thuộc địa tại:

- A. Đại hội Đảng xã hội Pháp họp ở Tua (12/1920).
- B. Hội nghị Quốc tế nông dân (6/1923).
- C. Đại hội Quốc tế Cộng sản lần V (1924).
- D. Đại hội đại biểu lần thứ nhất Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (5/1929).

Câu 8. Năm 1922, Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ báo:

- A. Đời sống công nhân.
- B. Người cùng khổ (Le Paria).
- C. Nhân đạo.
- D. Sự thật.

Câu 9. Vào thời gian nào, Nguyễn Ái Quốc rời Pari đi Liên Xô, đất nước mà từ lâu Người mơ đặt chân tới?

- A. Tháng 3 năm 1923.
- B. Tháng 4 năm 1923.
- C. Tháng 5 năm 1923.
- D. Tháng 6 năm 1923.

Câu 10. Năm 1924 Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội nào sau đây?

- A. Người dự Hội nghị Quốc tế nông dân.
- B. Người dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V.
- C. Người dự Đại hội quốc tế phụ nữ.
- D. Người dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII.

Câu 11. Từ năm 1920 đến năm 1925, Nguyễn Ái Quốc hoạt động chủ yếu ở các nước nào?

- A. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc.
- B. Pháp, Thái Lan, Trung Quốc.
- C. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, Thái Lan.
- D. Câu A và C đúng.

Câu 12. Trong quá trình hoạt động của mình, để chuẩn bị cho việc thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam, hoạt động nào sau đây của Nguyễn Ái Quốc đã diễn ra tại Quảng Châu (Trung Quốc)?

- A. Dự Hội nghị Quốc tế nông dân (1924).
- B. Dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V (1924).
- C. Ra báo “Thanh niên” (1925).
- D. Xuất bản tác phẩm “Bản án chế độ thực dân”.

Câu 13. Tác phẩm nào sau đây của Nguyễn Ái Quốc được xuất bản vào năm 1922:

- A. Bản án chế độ thực dân Pháp.
- B. Đường cách mệnh.
- C. A và B đúng.
- D. A và B sai.

Câu 14. Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V (1924) tại Liên Xô vào năm bao nhiêu tuổi?

- A. 33 tuổi
- B. 34 tuổi
- C. 35 tuổi
- D. 36 tuổi

Câu 15. Cuối 1924 đã diễn ra sự kiện gì trong quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc?

- A. Nguyễn Ái Quốc rời Pháp sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân.
- B. Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc).
- C. Nguyễn Ái Quốc xuất bản tác phẩm “Đường cách mệnh”.
- D. Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội đại biểu lần thứ nhất Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Câu 16. Chủ trương “vô sản hóa” của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên nhằm mục đích gì?

- A. Đưa hội viên vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền cùng sống lao động với công nhân để tự rèn luyện, đồng thời truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin.
- B. Rèn luyện tính kỷ luật cho hội viên.
- C. Hội viên sống gần gũi với quần chúng.
- D. Xây dựng phong trào cách mạng ở tận cơ sở.

Câu 17. Sự kiện nào dưới đây thúc đẩy quá trình phổ biến chủ nghĩa Mác-Lê nin vào Việt Nam?

- A. Tác phẩm “Đường cách mệnh” và “Bản án chế độ thực dân” được đưa vào Việt Nam.
- B. Báo “Người cùng khổ”, báo “Thanh niên” được phổ biến ở Việt Nam.
- C. Chủ trương “Vô sản hóa” của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
- D. A, B và C đúng.

Câu 18. Hoạt động nào của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên gắn bó mật thiết với Nguyễn Ái Quốc?

- A. Mở lớp tập huấn chính trị đào tạo cán bộ tại Quảng Châu, ra báo “Thanh niên”.
- B. Bí mật chuyển các tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc về nước.
- C. Chủ trương phong trào “vô sản hóa”.
- D. Sự ra đời của một số đoàn thể quần chúng như: Công hội, Nông hội, Hội phụ nữ...

Câu 19. Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1919-1924 có ý nghĩa gì?

- A. Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận tư tưởng chủ nghĩa Mác-Lê nin để truyền bá về trong nước.
- B. Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam.
- C. Xây dựng mối quan hệ liên minh giữa công nhân và nông dân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.
- D. Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới.

Câu 20. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên phát triển nhiều cơ sở trong nước vào thời gian nào?

- A. Năm 1924. B. Năm 1925. C. Năm 1926. D. Năm 1927.

Câu 21. Tờ báo nào là cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên?

- A. Báo "Thanh niên".
- B. Báo "Nhân đạo".
- C. Báo "Đời sống công nhân".
- D. Báo "Người cùng khổ".

Câu 22. Năm 1928, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên có chủ trương:

- A. Đưa hội viên vào các nhà máy.
- B. "Vô sản hóa".
- C. Đưa hội viên về các hầm mỏ, đồn điền.
- D. Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin về trong nước.

Bài 17

CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN RA ĐỜI

Câu 1. Phong trào đấu tranh của công nhân, viên chức, học sinh trong những năm 1926 -1927 có những điểm gì mới?

- A. Các cuộc đấu tranh đều mang tính chất kinh tế, vượt ra ngoài phạm vi một xưởng, bước đầu liên kết được nhiều ngành, nhiều địa phương.
- B. Các cuộc đấu tranh đều đòi thực hiện quyền dân chủ, vượt ra ngoài phạm vi một xưởng, bước đầu liên kết được nhiều ngành, nhiều địa phương.
- C. Các cuộc đấu tranh đều mang tính chất chính trị, vượt ra ngoài phạm vi một xưởng, bước đầu liên kết được nhiều ngành, nhiều địa phương.
- D. Các cuộc đấu tranh đều mang tính tự giác cao, vượt ra ngoài phạm vi một xưởng, bước đầu liên kết được nhiều ngành, nhiều địa phương.

Câu 2. Tân Việt cách mạng đảng thành lập vào thời gian nào?

- A. Tháng 4 năm 1928.
- B. Tháng 5 năm 1928.
- C. Tháng 6 năm 1928.
- D. Tháng 7 năm 1928.

Câu 3. Thành phần của Tân Việt cách mạng đảng bao gồm:

- A. Công nhân, nông dân.
- B. Tư sản, tiểu tư sản.
- C. Trí thức trẻ và thanh niên tư sản yêu nước.
- D. Thợ thủ công, những người buôn bán nhỏ.

Câu 4. Tân Việt cách mạng đảng và Hội Việt Nam cách mạng thanh niên có quan hệ như thế nào?

- A. Tân Việt cử người sang dự các lớp huấn luyện của thanh niên.
- B. Tân Việt vận động hợp nhất với thanh niên.
- C. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên vận động hợp nhất với Tân Việt.
- D. Tân Việt cử người sang dự các lớp huấn luyện của thanh niên và vận động hợp nhất với thanh niên.

Câu 5. Vì sao, nội bộ Tân Việt cách mạng đảng bị phân hóa?

- A. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên phát triển mạnh, lý luận và tư tưởng cách mạng của Chủ nghĩa Mác-Lê nin có ảnh hưởng đến số đảng viên trẻ của Tân Việt.
- B. Nội bộ Tân Việt không thống nhất.
- C. Tác động của tình hình thế giới vào Việt Nam.
- D. Sự vận động hợp nhất của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Câu 6. Các hội viên của Tân Việt cách mạng đảng chịu tác động của hệ tư tưởng nào?

- A. Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn.
- B. Tư tưởng dân chủ tư sản.
- C. Chủ nghĩa Mác-Lênin.
- D. Hệ tư tưởng phong kiến.

Câu 7. Việt Nam Quốc dân đảng được thành lập vào thời gian nào?

- A. Ngày 25 tháng 10 năm 1927.
- B. Ngày 25 tháng 11 năm 1927.
- C. Ngày 25 tháng 12 năm 1927.
- D. Ngày 25 tháng 1 năm 1928.

Câu 8. Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng chịu ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng nào?

- A. Chủ nghĩa dân tộc.
- B. Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn.
- C. Chủ nghĩa Mác - Lênin.
- D. Chủ nghĩa dân chủ tư sản.

Câu 9. Việt Nam Quốc dân đảng hoạt động chủ yếu ở đâu?

- A. Ở Bắc Kỳ
- B. Ở Trung Kỳ
- C. Ở Nam Kỳ
- D. Ở Bắc, Trung, Nam Kỳ

Câu 10. Đảng viên của Việt Nam Quốc dân đảng bao gồm những thành phần nào?

- A. Học sinh, sinh viên, tiểu tư sản, trí thức trẻ.
- B. Học sinh, sinh viên, công nhân, nông dân, thợ thủ công, những người buôn bán nhỏ.
- C. Sinh viên, học sinh, công chức, tư sản lớp dưới, nông dân khá giả, thâm lão địa chủ, binh lính, hạ sĩ quan người Việt trong quân đội Pháp.
- D. Học sinh, sinh viên, công nhân, nông dân, địa chủ, phong kiến.

Câu 11. Sự non yếu của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng được biểu hiện ở những điểm nào?

- A. Thành phần đảng viên của đảng phức tạp.
- B. Tổ chức thiếu chặt chẽ, lỏng lẻo.
- C. Cơ sở quần chúng ít, hoạt động chủ yếu ở Bắc Kỳ.
- D. A, B và C đúng.

Câu 12. Mục tiêu đấu tranh của Việt Nam Quốc dân đảng là gì?

- A. Đánh đuổi thực dân Pháp, xoá bỏ ngôi vua.
- B. Đánh đuổi thực dân Pháp, thiết lập dân quyền.
- C. Đánh đuổi thực dân Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.
- D. Đánh đuổi thực dân Pháp, lập nên nước Việt Nam độc lập.

Câu 13. Nguyên nhân trực tiếp đưa đến cuộc khởi nghĩa Yên Bái (9/2/1930)?

- A. Thực dân Pháp tổ chức nhiều cuộc vây ráp.
- B. Nhiều cơ sở của đảng bị phá vỡ.
- C. Bị động trước tình thế thực dân Pháp khủng bố sau vụ giết chết Ba-danh (9/2/1929) trảm mộ phu cho các đồn điền cao su.
- D. Thực hiện mục tiêu của đảng: Đánh đuổi giặc Pháp, thiết lập dân quyền.

Câu 14. Địa điểm nổ ra cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc dân đảng đêm 9/2/1930 ở đâu?

- A. Yên Bái, Hải Phòng, Hà Nội.
- B. Yên Bái, Hà Nội, Phú Thọ, Hải Phòng.
- C. Yên Bái, Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình.
- D. Yên Bái.

Câu 15. Nguyên nhân chủ yếu làm cho khởi nghĩa Yên Bái thất bại?

- A. Thực dân Pháp còn mạnh, đủ sức đàn áp cuộc đấu tranh vũ trang vừa đơn độc, vừa non kém.
- B. Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng non yếu không vững chắc về tổ chức và lãnh đạo.
- C. Khởi nghĩa nổ ra bị động.
- D. Vì cả 3 lý do trên.

Câu 16. Ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Yên Bái?

- A. Góp phần cổ vũ lòng yêu nước và chí căm thù của nhân dân ta đối với bè lũ cướp nước và tay sai.
- B. Chấm dứt vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp tư sản dân tộc đối với cách mạng Việt Nam.
- C. Đánh dấu sự khủng hoảng của khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản.
- D. Việt Nam Quốc dân đảng đáp ứng một phần yêu cầu của nhiệm vụ dân tộc của nhân dân ta.

Câu 17. Nhân vật nào đứng đầu tổ chức của Việt Nam Quốc dân đảng?

- A. Phan Bội Châu.
- B. Phan Chu Trinh.
- C. Tôn Đức Thắng.
- D. Nguyễn Thái Học.

Câu 18. Nhân vật nào đã đứng đầu Công hội (bí mật) ở Sài Gòn-Chợ Lớn năm 1920?

- A. Phạm Hồng Thái.
- B. Tôn Đức Thắng.
- C. Phó Đức Chính.
- D. Nguyễn Thái Học.

Câu 19. Những địa danh: Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình, có quan hệ với sự kiện lịch sử nào sau đây?

- A. Phong trào công nhân trong những năm 20 của thế kỉ XX.
- B. Sự ra đời của Công hội (bí mật) ở Sài Gòn-Chợ Lớn năm 1920.

C. Khởi nghĩa Yên Bái (9/2/1930).

D. Vụ ám sát Ba-danh trùm mộ phu (9/2/1929).

Câu 20. Vì sao cuối năm 1928 đầu năm 1929 những người cộng sản Việt Nam thấy cần thiết phải thành lập một Đảng Cộng sản để lãnh đạo phong trào đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc?

A. Do phong trào dân tộc dân chủ ở nước ta phát triển mạnh.

B. Do phong trào dân tộc và dân chủ ở nước ta, đặc biệt là phong trào công nông theo con đường cách mạng vô sản phát triển mạnh.

C. Trước sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái, Việt Nam Quốc dân đảng tan rã.

D. Sự phát triển mạnh của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và Tân Việt.

Câu 21. Quá trình phân hoá của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã dẫn đến sự thành lập các tổ chức cộng sản nào trong năm 1929?

A. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng.

B. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

C. An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

D. Đông Dương Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

Câu 22. Sự phân hoá của Tân Việt cách mạng đảng đã dẫn đến thành lập tổ chức cộng sản nào ở Việt Nam năm 1929?

A. Đông Dương Cộng sản đảng.

B. An Nam Cộng sản đảng.

C. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

D. Đông Dương Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

Câu 23. Số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội) nơi diễn ra sự kiện nào?

A. Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời (3/1929)

B. Đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên (5/1929).

C. Thành lập Đông Dương Cộng sản đảng (6/1929).

D. Thành lập An Nam Cộng sản đảng (7/ 1929).

Câu 24. Cơ quan ngôn luận của Đông Dương Cộng sản đảng là gì?

A. Báo Người nhà quê.

B. Báo Búa liềm.

C. Báo Thanh niên.

D. Báo Nhân đạo

Câu 25. Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời vào thời gian nào?

A. Tháng 1 năm 1929.

B. Tháng 2 năm 1929.

C. Tháng 3 năm 1929.

D. Tháng 4 năm 1929.

Câu 26. Chi bộ cộng sản đầu tiên ra đời ở Bắc Kỳ gồm có mấy người?

A. 5 người.

B. 6 người.

C. 7 người.

D. 8 người.

Câu 27. Đông Dương Cộng sản đảng thành lập vào thời gian nào?

- A. Tháng 3 năm 1929.
- B. Tháng 4 năm 1929.
- C. Tháng 5 năm 1929.
- D. Tháng 6 năm 1929.

Câu 28. An Nam Cộng sản đảng thành lập vào thời gian nào?

- A. Tháng 6 năm 1929.
- B. Tháng 7 năm 1929.
- C. Tháng 8 năm 1929.
- D. Tháng 9 năm 1929.

Câu 29. An Nam Cộng sản đảng được ra đời từ tổ chức nào?

- A. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
- B. Các hội viên tiên tiến trong Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Trung Quốc và Nam Kỳ.
- C. Các hội viên tiên tiến của Đảng Tân Việt cách mạng đảng.
- D. Số còn lại của Việt Nam Quốc dân đảng.

Câu 30. Đông Dương Cộng sản đảng thành lập vào thời gian nào?

- A. Tháng 7 năm 1929.
- B. Tháng 8 năm 1929.
- C. Tháng 9 năm 1929.
- D. Tháng 10 năm 1929.

Câu 31. Ý nghĩa của việc thành lập ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam là gì?

- A. Thể hiện sự phát triển mạnh mẽ của phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam.
- B. Biểu hiện sự trưởng thành của giai cấp công nhân Việt Nam.
- C. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản là bước chuẩn bị trực tiếp cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- D. A, B, C đúng.

Câu 32. Sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam vào năm 1929 có hạn chế gì?

- A. Nội bộ những người cộng sản Việt Nam chia rẽ, mất đoàn kết, ngăn cản sự phát triển của cách mạng Việt Nam.
- B. Phong trào cách mạng Việt Nam có nguy cơ tụt lùi.
- C. Phong trào cách mạng Việt Nam phát triển chậm lại.
- D. Kẻ thù lợi dụng để đàn áp cách mạng.

CHƯƠNG II

VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1930 – 1939

Bài 18

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

Câu 1. Ngày 3 tháng 2 năm 1930, Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam được họp tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc) với nhiều lý do? Lý do nào sau đây không đúng?

- A. Chấm dứt sự chia rẽ giữa các tổ chức cộng sản.
- B. Yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam lúc đó.
- C. Yêu cầu của Quốc tế Cộng sản.
- D. Để thay thế vai trò của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Câu 2. Nguyễn Ái Quốc từ đâu về Hương Cảng, Trung Quốc triệu tập Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930)?

- A. Từ Liên Xô.
- B. Từ Pháp.
- C. Từ Xiêm (Thái Lan).
- D. Từ châu Phi.

Câu 3. Tại hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản, có sự tham gia của các tổ chức cộng sản nào?

- A. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng.
- B. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- C. Đông Dương Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- D. An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Câu 4. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản (3/2/1930) được thể hiện như thế nào?

- A. Thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. Soạn thảo Cương lĩnh Chính trị đầu tiên để hội nghị thông qua.
- C. Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam.
- D. Câu A và B đúng.

Câu 5. Nguyễn Ái Quốc đã xác định con đường cách mạng Việt Nam trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là gì?

- A. Làm cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất để tiến lên chủ nghĩa cộng sản.
- B. Thực hiện cuộc cách mạng ruộng đất cho triệt để.
- C. Tịch thu hết sản nghiệp của bọn đế quốc.
- D. Đánh đổ địa chủ phong kiến, làm cách mạng thổ địa, sau đó làm cách mạng dân tộc.

Câu 6. Lực lượng cách mạng để đánh đổ đế quốc và phong kiến được nêu trong Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo là gì?

- A. Công nhân và nông dân.
- B. Công nhân, nông dân và các tầng lớp tiểu tư sản, trí thức, trung nông.
- C. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản và địa chủ phong kiến.
- D. Công nhân, nông dân, tư sản.

Câu 7. Nội dung cơ bản của Hội nghị thành lập Đảng ngày 3 tháng 2 năm 1930 là gì?

- A. Thông qua Luận cương Chính trị của Đảng.
- B. Thông qua Chính cương, Sách lược vắn tắt, Điều lệ tóm tắt của Đảng và chỉ định ban chấp hành Trung ương Lâm thời.
- C. Bầu Ban Chấp hành Trung ương Lâm thời.
- D. Quyết định lấy tên đảng là Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 8. Tổ chức nào không tham gia Hội nghị thành lập Đảng ngày 3 tháng 2 năm 1930?

- A. Đông Dương Cộng sản đảng.
- B. An Nam Cộng sản đảng.
- C. Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.
- D. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Câu 9. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp giữa:

- A. Chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào dân tộc, dân chủ.
- B. Chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào công nhân.
- C. Chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.
- D. Chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào nông dân.

Câu 10. Đảng Cộng sản ra đời do tác động của nhiều yếu tố, yếu tố nào sau đây không đúng?

- A. Sự phát triển của phong trào yêu nước Việt Nam.
- B. Sự thất bại của Việt Nam Quốc dân đảng.
- C. Sự phổ biến chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Việt Nam.
- D. Sự phát triển tự giác phong trào công nhân Việt Nam.

Câu 11. Hội nghị thành lập Đảng 3/2/1930 đã thông qua những văn bản gì?

- A. Chính cương vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.
- B. Sách lược vắn tắt và Điều lệ vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc dự thảo.
- C. Luận cương Chính trị do Trần Phú soạn thảo.
- D. Chính cương, Sách lược và Điều lệ vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc dự thảo.

Câu 12. Nội dung chủ yếu của Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo là gì?

- A. Cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: Cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng XHCN.
- B. Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới.

- C. Làm cách mạng giải phóng dân tộc sau đó tiến lên chủ nghĩa xã hội
- D. A và B đúng.

Câu 13. Điều gì chứng tỏ Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo là đúng đắn, sáng tạo, thấm đượm tính dân tộc và nhân văn?

- A. Nêu cao vấn đề dân tộc lên hàng đầu.
- B. Đánh giá đúng khả năng cách mạng của các giai cấp trong xã hội Việt Nam.
- C. Thấy được khả năng liên minh có điều kiện với giai cấp tư sản dân tộc, khả năng phân hóa, lôi kéo một bộ phận giai cấp địa chủ trong cách mạng giải phóng dân tộc.
- D. Cả 3 ý trên đều đúng.

Câu 14. Tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi sẽ tiếp tục phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nội dung của:

- A. Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.
- B. Điều lệ của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc dự thảo.
- C. Chính cương vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.
- D. Luận cương Chính trị 1930 do Trần Phú khởi thảo.

Câu 15. Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền ở Việt Nam là gì?

- A. Đánh đổ phong kiến địa chủ giành đất cho dân cày.
- B. Đánh đổ đế quốc Pháp giành độc lập dân tộc.
- C. Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến và tư sản phản cách mạng làm cho Việt nam độc lập, thành lập chính phủ công nông binh.
- D. Đánh đổ giai cấp tư sản và địa chủ phong kiến.

Câu 16. Trong các nội dung sau đây, nội dung nào không thuộc Luận cương Chính trị (10/1930)?

- A. Cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: Cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng XHCN.
- B. Cách mạng do Đảng của giai cấp vô sản theo chủ nghĩa Mác-Lênin lãnh đạo.
- C. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.
- D. Lực lượng để đánh đuổi đế quốc và phong kiến là công nông. Đồng thời phải biết liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để kéo họ vào phe vô sản giai cấp.

Câu 17. Những điểm hạn chế cơ bản của Luận cương chính trị 1930?

- A. Chưa nhận thức được tầm quan trọng của nhiệm vụ chống đế quốc giành độc lập dân tộc.
- B. Nặng về đấu tranh giai cấp.
- C. Chưa thấy rõ được khả năng cách mạng của các tầng lớp khác ngoài công nông.
- D. Cả ba ý trên đều đúng.

Câu 18. Đúng hay sai?

- A. Luận cương Chính trị do đồng chí Trần Phú soạn thảo được thông qua tại Hội nghị lần thứ nhất của Đảng (Hương Cảng-Trung Quốc) tháng 10/1930.
- B. Hội nghị tháng 10/1930 của Đảng quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương.
- C. Hội nghị tháng 10/1930 chỉ định Ban Chấp hành Trung ương Lâm thời.
- D. Đồng chí Trần Phú được bầu làm Tổng bí thư của Đảng.

Câu 19. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 3/2/1930 là kết quả tất yếu của:

- A. Phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 1919-1926.
- B. Cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam trong thời đại mới.
- C. Phong trào công nhân trong những năm 1925-1927.
- D. Phong trào công nhân trong những năm 1919-1925.

Câu 20. Đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử của giai cấp công nhân và của cách mạng Việt Nam, đó là ý nghĩa sự kiện lịch sử nào?

- A. Thành lập Đông Dương Cộng sản đảng.
- B. Thành lập An Nam Cộng sản đảng.
- C. Thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.
- D. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 21. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Đảng ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam từ sau cách mạng tháng Mười Nga.
- B. Là sản phẩm kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lê nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.
- C. Bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử giai cấp công nhân và cách mạng Việt Nam (chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về vai trò lãnh đạo và đường lối giải phóng dân tộc).
- D. Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.
- E. Là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt về sau của dân tộc Việt Nam.
- G. Tất cả các ý trên.

Bài 19

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NĂM 1930-1935

Câu 1. Đoạn viết sau đây diễn tả tình hình xã hội Việt Nam trong thời kỳ nào: Công nhân không có việc làm, nông dân tiếp tục bị bóc lột cùng hóa, các tầng lớp tiểu tư sản thành thị bị điêu đứng, các nghề thủ công bị phá sản nặng nề...

- A. Thời kì 1929-1930.
- B. Thời kì 1930-1931.
- C. Thời kì 1931-1932.
- D. Thời kì 1932-1933.

Câu 2. Vì sao nền kinh tế Việt Nam lại chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933)?

- A. Vì Việt Nam phụ thuộc Pháp.
- B. Vì kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng kinh tế Pháp.
- C. Vì Việt Nam là thuộc địa của Pháp, nền kinh tế Việt Nam hoàn toàn phụ thuộc Pháp.
- D. Vì Việt Nam là thị trường của tư bản Pháp.

Câu 3. Để giải quyết hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933) thực dân Pháp đã làm gì?

- A. Tăng cường bóc lột công nhân Pháp.
- B. Tăng cường bóc lột nhân dân Đông Dương.
- C. Tăng cường bóc lột các nước thuộc địa.
- D. Vừa bóc lột công nhân và nhân dân lao động chính quốc vừa bóc lột các nước thuộc địa.

Câu 4. Cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933) đã ảnh hưởng lớn nhất đến nền kinh tế Việt Nam trên lĩnh vực nào?

- A. Nông nghiệp.
- B. Công nghiệp.
- C. Xuất khẩu.
- D. Thủ công nghiệp.

Câu 5. Sự kiện nào sau đây là sự kiện cơ bản dẫn đến sự bùng nổ của phong trào cách mạng 1930 - 1931?

- A. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933.
- B. Do sự khủng bố trắng của thực dân Pháp sau khởi nghĩa Yên Bái (9/2/1930).
- C. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930).
- D. Cả 3 sự kiện trên.

Câu 6. Lần đầu tiên nhân dân lao động Việt Nam kỷ niệm ngày Quốc tế lao động vào thời gian nào?

- A. Ngày 01 tháng 05 năm 1929.
- B. Ngày 01 tháng 05 năm 1930.
- C. Ngày 01 tháng 05 năm 1931.
- D. Ngày 01 tháng 05 năm 1932.

Câu 7. Từ tháng 2 đến tháng 4 năm 1930, phong trào cách mạng nổ ra mạnh nhất ở đâu?

- A. Trung Kỳ.
- B. Bắc Kỳ.
- C. Nam Kỳ.
- D. Trong cả nước.

Câu 8. Vì sao, năm 1930 so với cả nước Nghệ Tĩnh là nơi có phong trào cách mạng phát triển mạnh nhất?

- A. Là nơi bị thực dân Pháp khủng bố tàn khốc nhất.
- B. Là quê hương của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.
- C. Là nơi có đội ngũ cán bộ Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đông nhất.
- D. Là nơi có truyền thống đấu tranh anh dũng chống giặc ngoại xâm, là nơi có chi bộ Đảng hoạt động mạnh.

Câu 9. Vào thời gian nào, lần đầu tiên truyền đơn, cờ đỏ búa liềm của Đảng Cộng sản đã xuất hiện trên các đường phố Hà Nội và những địa phương khác trong phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân Việt Nam?

- A. Cuối năm 1929 đầu năm 1930.
- B. Tháng 2 đến tháng 4 năm 1930.
- C. Ngày 01 tháng 05 năm 1930.
- D. Ngày 12 tháng 09 năm 1930.

Câu 10. Lần đầu tiên công nhân, nông dân và quần chúng lao động Đông Dương tổ đấu tiêu đoàn kết với vô sản thế giới và điều dương lực lượng của mình đó là:

- A. Phản đối thực dân Pháp bắt lính người Việt sang tham chiến ở Pháp trong Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918).
- B. Kỷ niệm ngày Quốc tế lao động (1/5/1930).
- C. A và B đúng.
- D. A và B sai.

Câu 11. Đỉnh cao của phong trào cách mạng ở Nghệ-Tĩnh vào:

- A. Tháng 05 năm 1930.
- B. Tháng 07 năm 1930.
- C. Tháng 09 năm 1930.
- D. Tháng 10 năm 1930.

Câu 12. Cuộc biểu tình trong phong trào cách mạng 1930-1931 ở Nghệ -Tĩnh có gần 2 vạn nông dân tham gia diễn ra ở đâu?

- A. Anh Sơn (Nghệ An).
- B. Hưng Nguyên (Nghệ An).
- C. Thanh Chương (Nghệ An).
- D. Can Lộc (Hà Tĩnh).

Câu 13. Trước khí thế đấu tranh của quần chúng công nông, bộ máy chính quyền của đế quốc và phong kiến tay sai ở nhiều địa phương thuộc Nghệ-Tĩnh bị tan rã. Các tổ chức Đảng ở địa phương đã kịp thời lãnh đạo nhân dân thực hiện quyền làm chủ, tự đứng ra quản lý đời sống của mình, đó là kết quả của phong trào đấu tranh nào?

- A. Phong trào cách mạng 1930-1931.
- B. Biểu tình 1/5/1930 trên toàn quốc.
- C. Biểu tình 12/9/1930 của nông dân huyện Hưng Nguyên (Nghệ An).
- D. Đấu tranh vũ trang của nông dân, công nhân... tháng 9,10/1930.

Câu 14. Đảng ta vận dụng hai khẩu hiệu nào dưới đây trong phong trào cách mạng 1930-1931?

- A. “Độc lập dân tộc “ và “Ruộng đất dân cày”.
- B. “Tự do dân chủ” và “Cơm áo hoà bình”.

C. “Tịch thu ruộng đất của đế quốc Việt gian” và “Tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến”.

D. “Đánh đổ đế quốc” và “Xoá bỏ ngôi vua”.

Câu 15. Từ tháng 5 đến tháng 8 năm 1930, trung tâm của phong trào cách mạng chủ yếu diễn ra ở đâu?

A. Miền Trung.

B. Miền Bắc.

C. Miền Nam.

D. Trong cả nước.

Câu 16. Điều nào sau đây chứng tỏ: tháng 9 năm 1930 phong trào công-nông đã phát triển tới đỉnh cao?

A. Phong trào diễn ra khắp cả nước.

B. Sử dụng hình thức đấu tranh vũ trang và thành lập chính quyền Xô viết.

C. Đã thực hiện liên minh công nông vững chắc.

D. Đã kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

Câu 17. Các sự kiện sau đây, sự kiện nào đúng?

A. Tháng 2/1930, 3000 công nhân đồn điền Phú Riềng bãi công.

B. Ngày 1/5/1930, 3000 công nhân huyện Thanh Chương nổi dậy phá đồn Trí Viễn.

C. Ngày 12/9/1930, hơn 2 vạn nông dân Hưng Nguyên (Nghệ An) nổi dậy biểu tình.

D. Ngày 19/2/1930, hơn 2 vạn nông dân Hưng Nguyên (Nghệ An) nổi dậy biểu tình.

Câu 18. Chính quyền cách mạng ở Nghệ-Tĩnh được gọi là chính quyền Xô viết vì:

A. Chính quyền đầu tiên của công nông.

B. Chính quyền do giai cấp công nhân lãnh đạo.

C. Hình thức của chính quyền theo kiểu Xô viết (Nga).

D. Hình thức chính quyền theo kiểu nhà nước mới.

Câu 19. Tổ chức nào sau đây đứng ra quản lý mọi mặt đời sống chính trị, xã hội ở nông thôn Nghệ-Tĩnh?

A. Ban Chấp hành nông hội.

B. Ban Chấp hành công hội.

C. Hội phụ nữ giải phóng.

D. Đoàn thanh niên phản đế.

Câu 20. Để xây dựng xã hội mới chính quyền Xô viết Nghệ-Tĩnh đã làm gì?

A. Kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, thực hiện quyền tự do dân chủ.

B. Bãi bỏ các thứ thuế do đế quốc phong kiến đặt ra, chia lại ruộng đất, giảm tô, xóa nợ.

C. Khuyến khích nông dân học chữ quốc ngữ, bài trừ mê tín.

D. Tất cả ý trên đúng.

Câu 21. Chính quyền Xô viết Nghệ-Tĩnh tồn tại trong khoảng thời gian bao lâu?

A. Từ 2-3 tháng

B. Từ 3-4 tháng

C. Từ 4-5 tháng

D. Từ 5-6 tháng

Câu 22. Chọn và điền cụm từ còn thiếu vào ô trống ở đoạn văn sau:

“Tuy mới thành lập ở một số xã, thời gian tồn tại chỉ được 4-5 tháng nhưng..... đã tỏ rõ bản chất cách mạng và tính ưu việt của nó. Đó là chính quyền của dân, do dân, vì dân”.

- A. Phong trào cách mạng 1930-1931.
- B. Xô viết Nghệ-Tĩnh.
- C. Phong trào công nông 1930-1931.
- D. Chính quyền Xô viết.

Câu 23. Chính quyền Xô viết Nghệ-Tĩnh đã tỏ rõ bản chất cách mạng của mình. Đó là chính quyền của dân, do dân và vì dân. Tính chất đó được thể hiện ở những điểm cơ bản nào?

- A. Thực hiện các quyền tự do dân chủ cho nhân dân.
- B. Chia ruộng đất công cho nông dân, bắt địa chủ giảm tô, xoá nợ.
- C. Xoá bỏ các tập tục lạc hậu, khuyến khích nhân dân học chữ Quốc ngữ.
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 24. Chọn và điền cụm từ còn thiếu vào ô trống ở đoạn văn sau:

.....cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ vô cùng khó khăn. Thực dân Pháp và phong kiến tay sai thẳng tay thi hành chính sách khủng bố cực kỳ tàn bạo. Nhiều chiến sĩ cộng sản, hàng vạn người yêu nước bị bắt, bị giết hoặc tù đày. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở trung ương và địa phương lần lượt bị phá vỡ. Đó là đặc điểm lịch sử của cách mạng Việt Nam giai đoạn nào?

- A. Giai đoạn 1930-1931.
- B. Từ cuối năm 1931.
- C. Đầu năm 1931.
- D. Từ giữa năm 1931.

Câu 25. Hệ thống tổ chức của Đảng nói chung được phục hồi vào thời gian nào?

- A. Đầu năm 1932.
- B. Đầu năm 1933.
- C. Cuối năm 1935.
- D. Cuối năm 1934 đầu 1935.

Câu 26. Đại hội lần thứ nhất của Đảng diễn ra vào thời gian nào, ở đâu?

- A. Tháng 3 năm 1935 ở Ma Cao - Trung Quốc.
- B. Tháng 3 năm 1935 ở Hương Cảng - Trung Quốc.
- C. Tháng 3 năm 1935 ở Xiêm - Thái Lan.
- D. Tháng 3 năm 1935 ở Cao Bằng - Việt Nam.

Câu 27. Điền đúng (Đ) sai (S) vào các câu sau đây:

- A. Phong trào cách mạng 1930-1931 diễn ra ở Bắc, Trung, Nam
- B. Phong trào cách mạng 1930-1931 chỉ diễn ra ở Nghệ An.
- C. Xô viết Nghệ Tĩnh là đỉnh cao của cao trào 1930-1931.
- D. Lực lượng quan trọng nhất tham gia phong trào cách mạng 1930-1931 là nông dân.
- E. Ngày 12/9/1930 là cuộc biểu tình của nông dân Hưng Nguyên.

CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ TRONG NHỮNG NĂM 1936-1939

Câu 1. Năm 1933, chủ nghĩa phát xít lên nắm chính quyền ở nước nào?

- A. Đức, Anh, Pháp.
- B. Đức, I-ta-li-a, Mĩ.
- C. Đức, Nhật, I-ta-li-a.
- D. Đức, Pháp, Mĩ.

Câu 2. Đứng trước nguy cơ một cuộc chiến tranh mới sắp sửa nổ ra, Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản họp ở đâu? Vào thời gian nào?

- A. Tại Ma Cao (Trung Quốc). Tháng 6 năm 1934.
- B. Tại Mat-xơ-va (Liên Xô). Tháng 7 năm 1935.
- C. Tại Ma Cao (Trung Quốc). Tháng 3 năm 1935.
- D. Tại I-an-ta (Liên Xô). Tháng 7 năm 1935.

Câu 3. Tại Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ VII (7/1935) đã xác định kẻ thù trước mắt nguy hiểm của nhân dân thế giới là:

- A. Chủ nghĩa thực dân cũ.
- B. Chủ nghĩa thực dân mới.
- C. Chủ nghĩa phát xít.
- D. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

Câu 4. Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ VII (7/1935) đã có chủ trương gì?

- A. Thành lập Đảng Cộng sản ở mỗi nước.
- B. Thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước.
- C. Thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước tư bản.
- D. Thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước thuộc địa.

Câu 5. Trong năm 1936, Mặt trận nhân dân nước nào làm nòng cốt, thống cử vào Nghị viện, lên cầm quyền và ban hành một số chính sách tiến bộ cho các nước thuộc địa?

- A. Nước Đức.
- B. Nước Pháp.
- C. Nước Anh.
- D. Nước Tây Ban Nha.

Câu 6. Mặt trận nhân dân Pháp do Đảng Cộng sản làm nòng cốt, thống cử vào Nghị viện và lên cầm quyền vào năm nào?

- A. Năm 1935.
- B. Năm 1936.
- C. Năm 1937.
- D. Năm 1938.

Câu 7. Dựa trên cơ sở nào Đảng ta chuyển hướng chỉ đạo sách lược trong thời kỳ 1936-1939?

- A. Đường lối nghị quyết của Quốc tế cộng sản.
- B. Tình hình thực tiễn của Việt Nam.
- C. Tình hình thế giới, trong nước có sự thay đổi và tiếp thu đường lối của Quốc tế Cộng sản.
- D. Đảng Cộng sản Đông Dương phục hồi và hoạt động mạnh.

Câu 8. Kẻ thù cụ thể trước mắt của nhân dân Đông Dương thời kỳ 1936-1939 Đảng Cộng sản Đông Dương nhận định là:

- A. Bọn phản động thuộc địa.
- B. Chủ nghĩa phát xít.

- C. Bọn phản động Pháp và bè lũ tay sai.
- D. Thực dân Pháp và chính quyền phong kiến.

Câu 9. Trong thời kỳ 1936-1939 Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra nhiệm vụ trước mắt của nhân dân Đông Dương là:

- A. Chống phát xít chống chiến tranh.
- B. Chống bọn phản động thuộc địa và tay sai.
- C. Chống phát xít, chống chiến tranh, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do dân chủ, cơm áo, hoà bình.
- D. Chống thực dân Pháp giành độc lập và chống phong kiến đòi ruộng đất cho dân cày.

Câu 10. Năm 1936, Đảng ta chủ trương thành lập mặt trận gì?

- A. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.
- B. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
- C. Mặt trận Dân chủ thống nhất Đông Dương.
- D. Mặt trận nhân dân Đông Dương.

Câu 11. Ngay từ năm 1936, Đảng ta đề ra chủ trương thành lập mặt trận với tên gọi là gì?

- A. Mặt trận Thống nhất phản đế Đông Dương.
- B. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.
- C. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
- D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 12. Đến tháng 3/1938, tên gọi của mặt trận ở Đông Dương là gì?

- A. Mặt trận Dân chủ thống nhất Đông Dương.
- B. Mặt trận Thống nhất phản đế Đông Dương.
- C. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.
- D. Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Câu 13. Hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng trong thời kỳ 1936-1939 có gì khác so với thời kỳ 1930 -1931?

- A. Đấu tranh bí mật.
- B. Đấu tranh hợp pháp nửa hợp pháp, công khai nửa công khai.
- C. Đấu tranh bất hợp pháp.
- D. Đấu tranh công khai.

Câu 14. Trong thời kỳ cách mạng 1936-1939 Đảng ta đã sử dụng khẩu hiệu đấu tranh:

- A. “Đánh đổ đế quốc Pháp, Đông Dương hoàn toàn độc lập”.
- B. “Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày”.
- C. “Độc lập dân tộc” “Người cày có ruộng”.
- D. “Chống phát xít chống chiến tranh đế quốc chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do dân chủ, cơm áo hòa bình”.

Câu 15. Tháng 8 năm 1936 Đảng chủ trương phát động phong trào gì?

- A. Đông Dương đại hội.
- B. Phong trào đòi dân sinh dân chủ.
- C. Vận động người của Đảng vào Viện dân biểu.
- D. Mít tinh diễn thuyết thu thập “dân nguyện”.

Câu 16. Mít tinh, biểu tình đưa “dân nguyện” đó là hình thức đấu tranh của phong trào nào?

- A. Đông Dương đại hội.
- B. Phong trào đón phái viên chính phủ Pháp và toàn quyền mới của xứ Đông Dương.
- C. A và B đúng.
- D. A và B sai.

Câu 17. Lực lượng nào tham gia đông đảo và hăng hái nhất trong các cuộc mít tinh, biểu tình, đưa “dân nguyện”?

- A. Công nhân và nông dân.
- B. Học sinh và thợ thủ công.
- C. Trí thức và dân nghèo thành thị.
- D. Câu a và c đúng.

Câu 18. Cuộc đấu tranh công khai, hợp pháp trong những năm 1936-1939 thực sự là một cuộc cách mạng gì?

- A. Một cao trào cách mạng dân tộc dân chủ.
- B. Một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.
- C. Một cuộc đấu tranh giai cấp.
- D. Một cuộc tổng diễn tập cho giai đoạn cách mạng tiếp theo.

Câu 19. Cuộc mít tinh khổng lồ của 2 vạn rưỡi người diễn ra tại Khu đầm Xảo (Hà Nội) vào ngày nào?

- A. Ngày 01 tháng 05 năm 1930.
- B. Ngày 01 tháng 05 năm 195.
- C. Ngày 01 tháng 05 năm 1938.
- D. Ngày 01 tháng 05 năm 193.

Câu 20. Trong thời kỳ 1936-1939, phong trào đấu tranh tiêu biểu nhất của giai cấp công-nông và các tầng lớp nhân dân là:

- A. Cuộc vận động Đông Dương đại hội (1936).
- B. Phong trào đón rước phái viên chính phủ Pháp và toàn quyền mới Đông Dương (1937).
- C. Tổng bãi công của công nhân Công ty than Hòn Gai (11/1936) và cuộc mít tinh tại khu Đầm xảo (Hà Nội) 5/1938.
- D. Phong trào báo chí tiến bộ và đấu tranh nghị trường.

Câu 21. Trong thời kỳ 1936-1939, hình thức hoạt động dân chủ công khai đó là:

- A. Lập hội ái hữu, hội cứu tế.
- B. Xuất bản báo chí.
- C. Đấu tranh nghị trường.
- D. A, B và C đúng.

Câu 22. Kết quả lớn nhất của phong trào cách mạng dân chủ 1936-1939 là gì?

- A. Chính quyền thực dân phải nhượng bộ, cải thiện một phần quyền dân sinh, dân chủ.
- B. Quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới nhiều hình thức.

- C. Thành lập Mặt trận Dân chủ Nhân dân, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp xã hội.
- D. Quân chúng được tổ chức và giác ngộ, Đảng được **tôi luyện**, tích lũy kinh nghiệm xây dựng mặt trận thống nhất.

Câu 23. Vì sao cao trào dân chủ 1936-1939 được xem là cuộc *tổng diễn tập lần thứ hai* chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945?

- A. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng, **trình độ của Đảng viên** được nâng cao.
- B. Tư tưởng và chủ trương của Đảng được phổ biến rộng rãi.
- C. Tập dượt cho quân chúng đấu tranh chính trị, **thành lập một đội quân** chính trị rộng lớn tập hợp xung quanh Đảng.
- D. Tất cả đều đúng.